

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn là một yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào, đó là một trong những yếu tố cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì thế, việc tổ chức và sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng, là điều kiện tiêu quyết để các doanh nghiệp khẳng định được vị trí của mình, tìm chỗ đứng vững chắc trong cơ chế mới.

Nhưng trong thực tế, để thực hiện được điều đó không phải là đơn giản. Bước sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý điều tiết vĩ mô của Nhà nước, nhiều thành phần kinh tế song song cùng tồn tại, cạnh tranh lẫn nhau gay gắt. Bên cạnh những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đứng vững trong cơ chế mới thì lại có một số Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả dẫn đến phá sản hàng loạt.

Qua đó cho thấy, vấn đề huy động và sử dụng vốn có hiệu quả thực sự là cuộc đấu trí giữa các doanh nghiệp để có thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường. Nó là bài toán phải giải trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có đường đi nước bước riêng cụ thể cho riêng mình.

Xuất phát từ sự cấp thiết về vấn đề sử dụng vốn và qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng em đã chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp là: ***“Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng”***.

Kết cấu luận văn của em gồm 3 chương:

Chương I: *Những lý luận chung về vốn kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Doanh nghiệp.*

Chương II: *Phân tích thực trạng tình hình sử dụng vốn tại Công ty CP tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng.*

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

*Chương III: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty CP tư
vấn Xây dựng Nông nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng.*

Bài khóa luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ, tạo điều kiện của các cô chú, anh chị trong Công ty CP Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng và đặc biệt là sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của cô giáo - Thạc sỹ Đỗ Thị Bích Ngọc.

Do hạn chế về trình độ nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các Thầy Cô và sự góp ý của các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Hoàng Thị Bích Ngọc

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.

1.1 Khái niệm, phân loại, tầm quan trọng của vốn đối với hoạt động SXKD của Doanh nghiệp.

1.1.1 Khái niệm vốn:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển được đều phải có nguồn tài chính đủ mạnh, đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp có thể duy trì hoạt động của mình, có nhiều quan niệm về vốn :

- ✓ Vốn là một khối lượng tiền tệ nào đó được ném vào lưu thông nhằm mục đích kiếm lời, tiền đó được sử dụng muôn hình muôn vẻ.
- ✓ Vốn là một trong những vấn đề cơ bản quyết định đến sự hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.
- ✓ Vốn kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản hữu hình và tài sản vô hình được đầu tư vào kinh doanh nhằm mục đích sinh lời.
- ✓ Vốn sản xuất kinh doanh là một quỹ tiền tệ đặc biệt, là tiềm lực về tài chính của doanh nghiệp.

Nhưng suy cho cùng là để mua sắm tư liệu sản xuất và trả công cho người lao động, nhằm hoàn thành công việc sản xuất kinh doanh hay dịch vụ nào đó với mục đích là thu về số tiền lớn hơn ban đầu. Do đó vốn mang lại giá trị thặng dư cho doanh nghiệp. Quan điểm này đã chỉ rõ mục tiêu của quản lý là sử dụng vốn, nhưng lại mang tính trừu tượng, hạn chế về ý nghĩa đối với hạch toán và phân tích quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp

Theo nghĩa hẹp thì: vốn là tiềm lực tài chính của mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp, mỗi quốc gia.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Theo nghĩa rộng thì: vốn bao gồm toàn bộ các yếu tố kinh tế được bố trí để sản xuất hàng hoá, dịch vụ như tài sản hữu hình, tài sản vô hình, các kiến thức kinh tế, kỹ thuật của doanh nghiệp được tích lũy, sự khéo léo về trình độ quản lý và tác nghiệp của các cán bộ điều hành, cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, uy tín của doanh nghiệp. Quan điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc khai thác đầy đủ hiệu quả của vốn trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, việc xác định vốn theo quan điểm này rất khó khăn phức tạp nhất là khi nước ta trình độ quản lý kinh tế còn chưa cao và pháp luật chưa hoàn chỉnh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vốn được quan niệm là toàn bộ những giá trị ứng ra ban đầu vào các quá trình sản xuất tiếp theo của doanh nghiệp.

Khái niệm này không những chỉ ra vốn là một yếu tố đầu vào của sản xuất mà còn đề cập tới sự tham gia của vốn không chỉ bó hẹp trong một quá trình sản xuất riêng biệt, chia cắt mà trong toàn bộ mọi quá trình sản xuất liên tục trong suốt thời gian tồn tại của doanh nghiệp.

Như vậy, vốn là yếu tố số một của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý và sử dụng có hiệu quả để bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo cho doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh. Vì vậy các doanh nghiệp cần thiết phải nhận thức đầy đủ hơn về vốn cũng như những đặc trưng của vốn. Điều đó có ý nghĩa rất lớn đối với các doanh nghiệp vì chỉ khi nào các doanh nghiệp hiểu rõ được tầm quan trọng và giá trị của đồng vốn thì doanh nghiệp mới có thể sử dụng nó một cách có hiệu quả được.

Trên cơ sở phân tích các quan điểm về vốn ở trên, khái niệm cần thể hiện được các vấn đề sau đây:

- Nguồn gốc sâu xa của vốn kinh doanh là một bộ phận của thu nhập quốc dân để tái đầu tư, để phân biệt với vốn đất đai, vốn nhân lực.

- Trong trạng thái của vốn kinh doanh tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh là tài sản vật chất (tài sản cố định và tài sản dự trữ) và tài sản tài chính (tiền

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

mặt gửi ngân hàng, các tín phiếu, các chứng khoán...) là cơ sở để ra các biện pháp quản lý vốn kinh doanh của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

- Phải thể hiện được mục đích sử dụng vốn đó là tìm kiếm các lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội mà vốn đem lại, vấn đề này sẽ định hướng cho quá trình quản lý kinh tế nói chung, quản lý vốn doanh nghiệp nói riêng.

Từ những vấn đề nói trên, có thể nói quan niệm về vốn là: phần thu nhập quốc dân dưới dạng tài sản vật chất và tài chính được cá nhân, các doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh nhằm mục đích tối đa hoá lợi ích.

► **Các đặc trưng cơ bản của vốn:**

Để tiến hành sản xuất kinh doanh cần có tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động, quá trình sản xuất kinh doanh là quá trình kết hợp các yếu tố đó để tạo ra sản phẩm lao vụ, dịch vụ. Để tạo ra các yếu tố phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định ban đầu. Có vốn doanh nghiệp mới có thể tiến hành sản xuất kinh doanh, cũng như trả tiền lương cho lao động sản xuất, sau khi tiến hành tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp dành một phần doanh thu để bù đắp giá trị tài sản cố định đã hao mòn, bù đắp chi phí vật tư đã tiêu hao và một phần để lập quỹ dự trữ cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh tiếp theo. Như vậy có thể thấy các tư liệu lao động và đối tượng lao động mà doanh nghiệp đầu tư cho mua sắm cho hoạt động sản xuất kinh doanh là hình thái hiện vật của vốn sản xuất kinh doanh. Vốn bằng tiền là tiền đề cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy vốn sản xuất kinh doanh mang đặc trưng cơ bản sau:

- Vốn phải đại diện cho một lượng tài sản nhất định có nghĩa là vốn được biểu hiện bằng giá trị tài sản hữu hình và tài sản vô hình của doanh nghiệp.

- Vốn phải vận động sinh lời đạt được mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Vốn phải được tích tụ tập trung đến một lượng nhất định mới có thể phát huy tác dụng để đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

- Vốn có giá trị về mặt thời gian tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, vốn luôn biến động và chuyển hoá hình thái vật chất theo thời gian và không gian theo công thức :

T - H - SX - H' - T'

- Vốn phải gắn liền với chủ sở hữu nhất định và phải được quản lý chặt chẽ.
- Vốn phải được quan niệm như một hàng hoá đặc biệt có thể mua bán hoặc bán bản quyền sử dụng vốn trên thị trường tạo nên sự giao lưu sôi động trên thị trường vốn, thị trường tài chính. Như vậy vốn bắt đầu là hình thái tiền tệ chuyển sang hình thái vật tư hàng hoá là tư liệu lao động và đối tượng lao động trải qua quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm lao vụ hoặc dịch vụ vốn sang hình thái hoá sản phẩm. Khi tiêu thụ sản phẩm lao vụ dịch vụ xong vốn lại trở về hình thái tiền tệ. Do sự luân chuyển vốn không ngừng trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên cùng một lúc vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thường tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông.

1.1.2 Phân loại vốn:

1.1.2.1 Căn cứ vào phương thức luân chuyển:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là một quá trình với các chu kỳ được lặp đi lặp lại, mỗi chu kỳ được chia làm nhiều giai đoạn từ chuẩn bị sản xuất, sản xuất, đến tiêu thụ sản phẩm. Trong mỗi giai đoạn của chu kỳ sản xuất kinh doanh, vốn được luân chuyển và tuần hoàn không ngừng, trên cơ sở đó hình thành vốn cố định và vốn lưu động.

a. Vốn cố định:

Vốn cố định của doanh nghiệp là lượng giá trị ứng trước vào tài sản cố định hiện có và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp mà đặc điểm của nó là luân chuyển dần dần từng bộ phận giá trị vào sản phẩm mới cho tới khi tài sản cố định hết thời hạn sử dụng thì vốn cố định hoàn thành một vòng luân chuyển (hoàn thành một vòng tuần hoàn).

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Tài sản cố định và vốn cố định của doanh nghiệp có sự khác nhau ở chỗ: khi bắt đầu hoạt động, doanh nghiệp có vốn cố định giá trị bằng giá trị tài sản cố định. Về sau, giá trị của vốn cố định thấp hơn giá trị nguyên thủy của tài sản cố định do khoản khấu hao đã trích.

Trong quá trình luân chuyển, hình thái hiện vật của vốn cố định vẫn giữ nguyên (đối với tài sản cố định hữu hình) nhưng hình thái giá trị của nó lại thông qua hình thức khấu hao chuyển dần từng bộ phận thành quỹ khấu hao. Do đó, trong công tác quản lý vốn cố định phải đảm bảo hai yêu cầu: một là đảm bảo cho tài sản cố định của doanh nghiệp được toàn vẹn và nâng cao hiệu quả sử dụng của nó, hai là phải tính chính xác số trích lập quỹ khấu hao, đồng thời phân bổ và sử dụng quỹ này để bù đắp giá trị hao mòn, thực hiện tái sản xuất.

b. Vốn lưu động:

Vốn lưu động của doanh nghiệp là lượng giá trị ứng trước về tài sản lưu động hiện có và đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục.

Vốn lưu động là điều kiện vật chất không thể thiếu được của quá trình sản xuất kinh doanh. Do đặc điểm tuần hoàn của vốn lưu động trong cùng một lúc nó phân bổ trên khắp các giai đoạn luân chuyển và tồn tại dưới nhiều hình thái khác nhau. Để tổ chức hợp lý sự tuần hoàn của các tài sản tại doanh nghiệp, để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục doanh nghiệp phải có đủ vốn để đầu tư vào các hình thái khác nhau làm cho các hình thái này có mức tồn tại hợp lý và đồng bộ.

Vốn lưu động là công cụ phản ánh và kiểm tra quá trình vận động của vật tư. Trong doanh nghiệp, sự vận động của vốn phản ánh sự vận động của vật tư. Vốn lưu động nhiều hay ít phản ánh số lượng vật tư hàng hóa dự trữ ở các khâu nhiều hay ít. Mặt khác, vốn lưu động luân chuyển nhanh hay chậm phản ánh số lượng vật tư sử dụng có tiết kiệm hay không. Vì thế, thông qua tình hình luân chuyển vốn lưu động có thể kiểm tra một cách toàn diện việc cung cấp, sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp.

1.1.2.2 Căn cứ vào phạm vi nguồn hình thành:

a. Nguồn vốn bên trong nội bộ doanh nghiệp:

Là nguồn vốn có thể huy động từ hoạt động của bản thân doanh nghiệp bao gồm: khấu hao tài sản, lợi nhuận để lại, các khoản dự trữ, dự phòng, các khoản thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

b. Nguồn vốn hình thành từ bên ngoài doanh nghiệp:

Là nguồn vốn mà doanh nghiệp huy động từ bên ngoài đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Nguồn tín dụng từ các khoản vay nợ có kỳ hạn mà các ngân hàng hay tổ chức tín dụng cho doanh nghiệp vay và có nghĩa vụ hoàn trả các khoản tiền vay nợ theo đúng kỳ hạn quy định.

- Nguồn vốn từ liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp gồm nguồn vốn vay có được do doanh nghiệp liên doanh, liên kết từ các doanh nghiệp để phục vụ cho việc mở rộng sản xuất doanh

- Nguồn vốn huy động từ thị trường vốn thông qua việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu. Việc phát hành những chứng khoán có giá trị này cho phép các doanh nghiệp có thể thu hút số tiền rộng rãi, nhàn rỗi trong xã hội để phục vụ cho huy động vốn dài hạn của doanh nghiệp.

Huy động vốn từ bên ngoài tạo cho doanh nghiệp có cơ cấu tài chính linh hoạt. Do doanh nghiệp phải trả một khoản chi phí sử dụng vốn nên doanh nghiệp phải cố gắng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Chính vì thế, doanh nghiệp có thể vay vốn từ bên ngoài để làm tăng nội lực vốn bên trong.

1.1.2.3 Căn cứ vào nguồn hình thành vốn:

Căn cứ vào nguồn hình thành, vốn được chia thành : vốn chủ sở hữu và vốn vay.

a. Vốn chủ sở hữu:

Là số tiền vốn của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư đóng góp, số vốn này không phải là một khoản nợ, doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán, không phải trả lãi

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

suất. Vốn chủ sở hữu được xác định là phần còn lại trong tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nợ phải trả tùy theo loại hình doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu được hình thành theo các cách khác nhau, thông thường nguồn vốn này bao gồm:

+ Vốn góp: là số vốn đóng góp của các thành viên tham gia thành lập doanh nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh. Đối với các công ty liên doanh thì cần vốn góp của các đối tác liên doanh, số vốn này có thể bổ sung hoặc rút bớt trong quá trình kinh doanh.

+ Lãi chưa phân phối: Là số vốn có từ nguồn gốc lợi nhuận, là phần chênh lệch giữa một bên là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, từ hoạt động tài chính và từ hoạt động bất thường khác và một bên là chi phí. Số lãi này trong khi chưa phân phối cho các chủ đầu tư, trích quỹ thì được sử dụng trong kinh doanh.

b. Vốn vay:

Là khoản vốn đầu tư ngoài vốn pháp định được hình thành từ nguồn đi vay, đi chiếm dụng từ các đơn vị cá nhân, sau một thời gian nhất định doanh nghiệp phải hoàn trả cho người cho vay cả gốc lẫn lãi. Vốn vay có thể sử dụng hai nguồn chính, đó là: vay của các tổ chức tài chính và phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Doanh nghiệp càng sử dụng nhiều vốn vay thì mức độ rủi ro càng cao nhưng để phục vụ sản xuất kinh doanh thì đây là một nguồn vốn huy động lớn tùy thuộc vào khả năng thế chấp, tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Thông thường, một doanh nghiệp phải phối hợp hai nguồn vốn trên để đảm bảo cho nhu cầu vốn kinh doanh của mình, việc kết hợp hợp lý hai nguồn vốn này phụ thuộc vào ngành mà doanh nghiệp hoạt động cũng như quyết định của người quản lý trên cơ sở xem xét tình hình chung của nền kinh tế cũng như tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

1.1.2.4 Căn cứ vào thời thời gian huy động và sử dụng vốn:

Căn cứ vào thời thời gian huy động và sử dụng vốn, người ta chia vốn thành: nguồn vốn thường xuyên, nguồn vốn tạm thời.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

a. Nguồn vốn thường xuyên:

Đây là nguồn vốn mang tính ổn định và lâu dài mà doanh nghiệp có thể sử dụng để đầu tư vào TSCĐ và một bộ phận tài sản lưu động tối thiểu cần thiết cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nguồn vốn này bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay dài hạn của doanh nghiệp.

b. Nguồn vốn tạm thời:

Đây là nguồn vốn có tính chất ngắn hạn mà doanh nghiệp có thể sử dụng để đáp ứng tạm thời, bất thường phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nguồn vốn này thường gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản chiếm dụng của bạn hàng. Cách phân loại này còn giúp cho doanh nghiệp lập kế hoạch tài chính, hình thành nên những dự định về nguồn vốn trong tương lai trên cơ sở xác định về quy mô số lượng vốn cần thiết, lựa chọn nguồn vốn và quy mô thích hợp cho từng nguồn vốn đó, khai thác những nguồn tài chính tiềm tàng, tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.1.3 Tầm quan trọng của vốn đối với hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, mọi vận hành kinh tế đều được tiền tệ hoá, do vậy bất kỳ một quá trình sản xuất kinh doanh nào dù bất cứ cấp độ nào, gia đình, doanh nghiệp hay quốc gia luôn cần một lượng vốn nhất định dưới dạng tiền tệ, tài nguyên đã được khai thác, bản quyền phát...

Vốn có vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Vốn là điều kiện tiền đề quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn là cơ sở xác lập địa vị pháp lý của doanh nghiệp, vốn đảm bảo cho sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo mục tiêu đã định.

- Về mặt pháp lý:

Mỗi doanh nghiệp khi muốn thành lập thì điều kiện đầu tiên doanh nghiệp đó phải có một lượng vốn nhất định, lượng vốn đó tối thiểu phải bằng lượng vốn pháp định (lượng vốn tối thiểu mà pháp luật quy định cho từng loại hình doanh nghiệp). Khi

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

đó, địa vị pháp lý của doanh nghiệp mới được xác lập. Ngược lại, việc thành lập Doanh nghiệp không thể thực hiện được. Trường hợp trong quá trình hoạt động kinh doanh, vốn của doanh nghiệp không đạt điều kiện mà pháp luật quy định, doanh nghiệp sẽ bị tuyên bố chấm dứt hoạt động như phá sản, giải thể, sáp nhập... Như vậy, vốn có thể được xem là một trong những cơ sở quan trọng nhất để đảm bảo sự tồn tại tư cách pháp nhân của một doanh nghiệp trước pháp luật.

- Về kinh tế:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của từng doanh nghiệp. Vốn không những đảm bảo khả năng mua sắm máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ để phục vụ cho quá trình sản xuất mà còn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục.

Vốn là yếu tố quan trọng quyết định đến năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và xác lập vị thế của doanh nghiệp trên thương trường. Điều này càng thể hiện rõ trong nền kinh tế thị trường hiện nay với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, các Doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến máy móc thiết bị, đầu tư hiện đại hoá công nghệ... Tất cả những yếu tố này muốn đạt được thì đòi hỏi doanh nghiệp phải có một lượng vốn đủ lớn.

Vốn cũng là yếu tố quyết định đến việc mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp. Để có thể tiến hành tái sản xuất mở rộng thì sau một chu kỳ kinh doanh, vốn của doanh nghiệp phải sinh lời tức là hoạt động kinh doanh phải có lãi đảm bảo vốn của doanh nghiệp tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thương trường.

Nhận thức được vai trò quan trọng của vốn như vậy thì doanh nghiệp mới có thể sử dụng vốn tiết kiệm, có hiệu quả hơn và luôn tìm cách nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Đối với các doanh nghiệp nước ta hiện nay thì vai trò của vốn kinh doanh ngày càng quan trọng trong ba yếu tố cơ bản của sản xuất kinh doanh, đó là: vốn, lao động, kỹ thuật công nghệ. Đối với vấn đề lao động, nước ta có nguồn lao động dồi dào, chỉ thiếu lao động có trình độ tay nghề cao. Tuy nhiên, vấn đề này có thể khắc phục được, khoa học công nghệ cũng có thể khắc phục được khi có nhiều vốn để mua sắm máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại.

Do vậy, yếu tố cơ bản quyết định thành công của doanh nghiệp là thu hút, quản lý và sử dụng vốn một cách hiệu quả và luôn tìm cách nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở mọi thời điểm trong sản xuất kinh doanh.

Đối với nền kinh tế quốc dân, vốn là điều kiện để Nhà nước nâng cấp và mở rộng cơ sở hạ tầng, mở rộng đầu tư, tăng phúc lợi xã hội, ổn định chính sách vĩ mô, đảm bảo ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế.

1.2 Hiệu quả sử dụng vốn và sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong Doanh nghiệp.

1.2.1 Khái niệm về hiệu quả sử dụng vốn.

Hiệu quả là một khái niệm luôn được đề cập trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp luôn hướng tới hiệu quả kinh tế, chính phủ nỗ lực đạt hiệu quả kinh tế - xã hội.

Sử dụng vốn có hiệu quả là điều kiện để doanh nghiệp bảo đảm đạt được lợi ích của các nhà đầu tư, của người lao động, của Nhà nước về mặt thu nhập và đảm bảo sự tồn tại và phát triển của bản thân Doanh nghiệp. Hơn nữa, đó cũng chính là cơ sở để Doanh nghiệp có thể huy động vốn được dễ dàng trên thị trường tài chính nhằm mở rộng sản xuất, phát triển kinh doanh.

Vì vậy, việc làm rõ bản chất và tiêu chuẩn về hiệu quả sử dụng vốn đối với doanh nghiệp là sự cần thiết khách quan để thống nhất về mặt nhận thức và quan điểm đánh giá trong điều kiện hiện nay của các doanh nghiệp ở nước ta. Đồng thời, việc này cũng góp phần giải quyết được các vấn đề về đánh giá chất lượng kinh doanh của

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

doanh nghiệp, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, sắp xếp lại doanh nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý và cơ chế kinh tế của doanh nghiệp...

Hiệu quả sử dụng vốn thường bị hiểu lầm là hiệu quả kinh doanh nhưng thực chất nó chỉ là một mặt của hiệu quả kinh doanh, song là mặt quan trọng nhất. Nói đến hiệu quả kinh doanh có thể có một trong các yếu tố của nó không đạt hiệu quả. Còn nói đến hiệu quả sử dụng vốn không thể nói đã sử dụng có kết quả nhưng lại bị lỗ, tức là tính hiệu quả sử dụng vốn thể hiện trên hai mặt, bảo toàn vốn là tạo ra được kết quả theo mục tiêu trong kinh doanh, trong đó đặc biệt là sức sinh lời của đồng vốn.

Kết quả lợi ích tạo ra do sử dụng vốn phải thỏa mãn 2 yêu cầu: Đáp ứng được lợi ích của doanh nghiệp, lợi ích của các nhà đầu tư ở mức độ mong muốn cao nhất đồng thời nâng được lợi ích của nền kinh tế xã hội. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, bất kỳ một doanh nghiệp nào hoạt động kinh doanh mang lại nhiều lợi nhuận cho mình, nhưng lại làm tổn hại đến lợi ích chung của nền kinh tế xã hội sẽ không được phép hoạt động. Ngược lại, nếu doanh nghiệp đó hoạt động đem lại lợi ích cho nền kinh tế, còn bản thân bị lỗ vốn sẽ làm cho doanh nghiệp bị phá sản. Như vậy, kết quả tạo ra do việc sử dụng vốn phải là kết quả phù hợp với lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của nền kinh tế xã hội.

Vậy, hiệu quả sử dụng vốn là chỉ tiêu biểu hiện một mặt về hiệu quả kinh doanh, là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ, năng lực khai thác và sử dụng vốn, tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi ích và tối thiểu hóa chi phí.

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng và quản lý nguồn vốn làm cho đồng vốn sinh lời tối đa nhằm mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là tối đa hóa giá trị tài sản sở hữu. Hiệu quả sử dụng vốn được lượng hóa thông qua hệ thống các chỉ tiêu về khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, tốc độ luân chuyển vốn... Nó phản ánh quan hệ giữa đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất kinh doanh thông qua thước đo tiền tệ hay cụ thể là mối quan

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

hệ tương quan giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả thu được càng cao so với chi phí vốn bỏ ra thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao. Do đó, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là điều kiện để doanh nghiệp phát triển vững mạnh. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải khai thác nguồn lực một cách triệt để, nghĩa là không để vốn nhàn rỗi mà không sử dụng, không sinh lời.
- Phải sử dụng vốn một cách hợp lý, tiết kiệm.
- Phải quản lý vốn một cách chặt chẽ, nghĩa là không để vốn ứ đọng, sử dụng vốn sai mục đích, không để vốn bị thất thoát do buông lỏng quản lý.

Ngoài ra, doanh nghiệp phải luôn phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn để nhanh chóng có những biện pháp khắc phục hạn chế và phát huy những ưu điểm của doanh nghiệp trong quá trình quản lý và sử dụng vốn.

Phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh có thể được tiến hành theo 3 nội dung: phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn cố định và hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh nói chung.

1.2.2 Phương pháp phân tích

1.2.2.1 Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là việc xác định trạng thái biến đổi tuyệt đối và tương đối của đối tượng phân tích. Việc xác định này giúp cho nhà phân tích đánh giá được mức tăng hay giảm của chỉ tiêu phân tích.

Phương pháp này sử dụng đơn giản và nhanh chóng, nó giúp cho nhà quản lý có thể xem xét và đánh giá một cách tức thời về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên khi thực hiện phương pháp so sánh cần đảm bảo những yếu tố sau:

- Xác định gốc so sánh:

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

+ Nếu gốc so sánh là kỳ kế hoạch thì tiến hành đánh giá mức độ hoàn thành của chỉ tiêu phân tích.

+ Nếu gốc so sánh là kỳ trước thì kết luận về mức độ tăng trưởng.

+ Nếu gốc so sánh là chỉ tiêu trung bình ngành thì nó là cơ sở để xác định vị trí của doanh nghiệp trong tổng thể nền kinh tế quốc dân.

- Điều kiện so sánh:

Tất cả những yếu tố liên quan khi thực hiện phương pháp so sánh phải có cùng trong một khoảng không gian, thời gian, đơn vị tính, phương pháp xác lập... để đảm bảo độ chính xác trong kết luận của bài toán phân tích.

Khi thực hiện phương pháp so sánh người ta không chỉ so sánh giữa kỳ thực hiện với kỳ kế hoạch mà so sánh giữa kỳ thực hiện với kế hoạch điều chỉnh.

1.2.2.2 Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp này dựa trên chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này yêu cầu phải xác định được các ngưỡng, các mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, trên cơ sở so sánh các tỷ lệ doanh nghiệp với các tỷ lệ tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ lệ tài chính doanh nghiệp được phân tích thành các nhóm đặc trưng, phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp. Đó là các nhóm tỷ lệ mục tiêu thanh toán, nhóm tỷ lệ về cơ cấu vốn, nhóm tỷ lệ về năng lực kinh doanh, nhóm tỷ lệ về khả năng sinh lời. Mỗi nhóm tỷ lệ lại bao gồm nhiều nhóm tỷ lệ riêng lẻ, từng bộ phận của hoạt động tài chính. Trong mỗi trường hợp khác nhau, tùy theo góc độ phân tích, người phân tích lựa chọn các mục tiêu khác nhau. Để phục vụ cho mục tiêu phân tích hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, người ta phải tính đến hao mòn vô hình do sự phát triển không ngừng của tiến bộ khoa học kỹ thuật...

1.2.4 Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong Doanh nghiệp.

➤ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ đảm bảo an toàn tài chính cho doanh

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

ngành. Hoạt động trong cơ chế thị trường đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải luôn đề cao tính an toàn, đặc biệt là an toàn tài chính. Đây là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc sử dụng vốn hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng huy động vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp được đảm bảo, doanh nghiệp có đủ tiềm lực để khắc phục những khó khăn, rủi ro trong kinh doanh.

➤ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh. Để đáp ứng yêu cầu cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm...doanh nghiệp phải có vốn. Trong khi đó, vốn kinh doanh của doanh nghiệp chỉ có hạn. Vì vậy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là rất cần thiết.

➤ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu tăng giá trị tài sản của chủ sở hữu và các mục tiêu khác của doanh nghiệp như nâng cao uy tín sản phẩm trên thị trường, nâng cao mức sống của người lao động...vì khi hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận thì doanh nghiệp có thể mở rộng qui mô sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động và thu nhập của người lao động tăng lên. Điều đó giúp cho năng suất lao động của doanh nghiệp ngày càng cao, tạo sự phát triển cho doanh nghiệp và các ngành liên quan, đồng thời làm tăng các khoản đóng góp cho Nhà nước.

Thông thường, các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn cố định và vốn lưu động được xác định bằng cách so sánh giữa kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận...với số vốn cố định, vốn lưu động để đạt được kết quả đó. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh cao nhất khi bỏ vốn vào kinh doanh ít nhưng thu được kết quả cao nhất. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tức là đi tìm biện pháp làm cho chi phí về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh ít nhất mà đem lại kết quả cuối cùng cao nhất.

Như vậy, việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp. Nó không những góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp,

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

mở rộng quy mô sản xuất, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp mà còn góp phần vào việc tăng trưởng nền kinh tế - xã hội. Do đó, các doanh nghiệp phải luôn tìm ra biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của Doanh nghiệp.

1.3.1. Các nhân tố khách quan

- Chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước:

Trên cơ sở pháp luật kinh tế và các biện pháp kinh tế, Nhà nước tạo môi trường và hành lang cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và hướng các hoạt động đó theo kế hoạch kinh tế vĩ mô. Với bất kỳ một sự thay đổi nào trong chế độ chính sách hiện hành đều chi phối các mảng hoạt động của doanh nghiệp. Các văn bản pháp luật về tài chính, kế toán thống kê, về quy chế đầu tư gây ảnh hưởng lớn trong quá trình kinh doanh, nhất là các quy định về cơ chế giao vốn, đánh giá tài sản cố định, về trích khấu hao, tỷ lệ trích lập các quỹ...đều có thể làm tăng hay giảm hiệu quả sử dụng vốn.

- Tác động của thị trường:

Những biến động về số lượng, giá cả, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu...sẽ tác động rất lớn tới kế hoạch vốn cố định, vốn lưu động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, lãi suất tiền vay cũng là một nhân tố ảnh hưởng quan trọng. Lãi suất tiền vay ảnh hưởng tới chi phí đầu tư của doanh nghiệp, sự thay đổi của lãi suất sẽ kéo theo những biến đổi cơ bản của đầu tư mua sắm thiết bị, tài sản cố định.

Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của tiến bộ khoa học kỹ thuật đã cho ra đời hàng loạt các tài sản cùng loại với các tài sản hiện có trong các doanh nghiệp với tính năng cao hơn đã làm cho tài sản cố định của doanh nghiệp bị hao mòn vô hình dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bị mất vốn.

1.3.2. Các nhân tố chủ quan

Đây là nhân tố chủ yếu quyết định đến hiệu quả sử dụng vốn cố định và qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Nhân tố này gồm nhiều yếu

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

tổ cùng tác động trực tiếp đến kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh cả trước mắt cũng như lâu dài.

Bởi vậy, việc xem xét, đánh giá và ra quyết định đối với các yếu tố này là cực kỳ quan trọng. Thông thường, người ta thường xem xét những yếu tố sau:

- Cơ cấu vốn: Với một cơ cấu đầu tư vốn bất hợp lý sẽ ảnh hưởng tương đối lớn đến hiệu quả sử dụng vốn bởi vì vốn đầu tư vào các loại tài sản không cần sử dụng chiếm tỷ trọng lớn thì không những nó không phát huy được tác dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn bị hao hụt mất mát dần làm giảm hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xác định nhu cầu vốn thiếu chính xác dẫn đến tình trạng thừa hoặc thiếu vốn trong các giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng không tốt đến hoạt động cũng như hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

- Chu kỳ sản xuất: Đây là một đặc điểm quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả sử dụng vốn. Nếu chu kỳ ngắn, doanh nghiệp sẽ thu hồi vốn nhanh nhằm tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại, nếu chu kỳ dài doanh nghiệp sẽ bị ứ đọng vốn và một gánh nặng nữa là trả lãi các khoản nợ vay.

- Trình độ tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, hạch toán nội bộ của doanh nghiệp:

Để có hiệu quả cao thì bộ máy tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất phải gọn nhẹ, ăn khớp nhịp nhàng với nhau. Với mỗi phương thức sản xuất và loại hình sản xuất sẽ tác động khác nhau tới tiến độ sản xuất, phương pháp và quy trình vận hành máy móc, số bộ phận phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Trình độ lao động, cơ chế khuyến khích và trách nhiệm vật chất trong doanh nghiệp:

Để phát huy được hết khả năng của dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đòi hỏi trình độ quản lý và sử dụng máy móc thiết bị của công nhân cao. Để sử dụng tiềm năng lao động có hiệu quả cao nhất doanh nghiệp phải có một cơ chế khuyến khích vật chất cũng như trách nhiệm một cách công bằng.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Ngược lại, nếu cơ chế khuyến khích không công bằng, quy định trách nhiệm không rõ ràng dứt khoát sẽ cản trở mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Việc sử dụng lãng phí vốn nhất là vốn lưu động trong quá trình sản xuất, quá trình mua sắm, dự trữ như mua các loại vật tư không phù hợp với quy trình sản xuất, không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng qui định, không tận dụng được hết các loại phế phẩm, phế liệu cũng tác động không nhỏ đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Việc lựa chọn phương án đầu tư là một nhân tố cơ bản ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp đầu tư sản xuất ra các sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá thành hạ được thị trường chấp nhận thì tất yếu hiệu quả kinh tế thu được sẽ lớn. Ngược lại, sản phẩm doanh nghiệp sản xuất ra kém chất lượng, không phù hợp với nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng, sản phẩm không tiêu thụ được sẽ gây nên tình trạng ứ đọng vốn và đương nhiên làm cho hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp bị giảm xuống.

1.4 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

1.4.1 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tổng vốn

a. Vòng quay tổng vốn:

Vòng quay tổng vốn cho biết toàn bộ số vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ luân chuyển được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này, ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp hoặc doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư.

$$\text{Vòng quay tổng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

b. Doanh lợi tổng vốn:

Doanh lợi tổng vốn là chỉ tiêu đo lường mức sinh lợi của đồng vốn. Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn kinh doanh đem lại mấy đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{Doanh lợi tổng vốn (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Chỉ tiêu này càng lớn so với kỳ trước hay so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành, chứng tỏ khả năng sinh lời của doanh nghiệp càng cao, hiệu quả kinh doanh càng lớn và ngược lại.

c. Doanh lợi vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn chủ sở hữu bỏ vào kinh doanh mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Doanh lợi vốn chủ sở hữu lớn hơn doanh lợi tổng vốn, điều đó chứng tỏ việc sử dụng vốn vay của doanh nghiệp rất hiệu quả.

$$\text{Doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

1.4.2 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định.

a. Hiệu quả sử dụng vốn cố định:

Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn cố định bình quân trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

b. Hiệu suất sử dụng vốn cố định:

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn cố định tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Hiệu suất càng cao chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng vốn cố định càng có hiệu quả.

$$\text{Hiệu suất sử dụng} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định}}$$

vốn cố định

Vốn cố định bình quân

c. Hệ số đảm nhiệm vốn cố định (hay còn gọi là Hàm lượng VCD)

Chỉ tiêu này cho biết để có được một đơn vị doanh thu thuần thì cần mấy đơn vị vốn cố định. Trị số này càng nhỏ thì hiệu quả sử dụng vốn cố định càng cao.

$$\text{Hệ số đảm nhiệm vốn cố định} = \frac{\text{Vốn cố định bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

1.4.3 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

a. Vòng quay vốn lưu động:

Chỉ tiêu này còn được gọi là hệ số luân chuyển vốn lưu động, nó cho biết trong kỳ, vốn lưu động quay được mấy vòng. Nếu số vòng quay tăng thì chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động tăng và ngược lại.

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

b. Số ngày một vòng quay vốn lưu động:

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh trung bình một vòng quay hết bao nhiêu ngày. Thời gian của một vòng quay càng nhỏ thì tốc độ luân chuyển của vốn lưu động càng lớn và làm rút ngắn chu kỳ kinh doanh, vốn quay vòng hiệu quả.

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360 \text{ (ngày)}}{\text{Vòng quay vốn lưu động}}$$

c. Hiệu quả sử dụng Vốn lưu động:

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn lưu động bình quân đem lại mấy đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ việc sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp là rất tốt.

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn lưu động} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

d. Hệ số đảm nhiệm Vốn lưu động (hay còn gọi là Hàm lượng vốn lưu động)

Chỉ tiêu này cho biết để có được một đơn vị doanh thu thuần thì cần mấy đơn vị vốn lưu động. Trị số của chỉ tiêu này càng nhỏ, chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao, số vốn lưu động tiết kiệm được càng nhiều và ngược lại.

$$\text{Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

1.4.4 Các chỉ số về khả năng hoạt động.

Các chỉ tiêu này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các loại tài sản khác nhau.

a. Số vòng quay hàng tồn kho:

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hoá tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn, chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn kho, tăng khả năng thanh toán.

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

b. Số ngày một vòng quay hàng tồn kho:

Số ngày một vòng quay hàng tồn kho phản ánh số ngày trung bình của một vòng quay hàng tồn kho.

$$\text{Số ngày một vòng quay hàng tồn kho} = \frac{360 \text{ (ngày)}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

c. Vòng quay các khoản phải thu:

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm.

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

Số vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh, đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu. Chỉ tiêu này cho biết mức độ hợp lý của số dư các khoản phải thu và hiệu quả của việc thu hồi nợ. Nếu các khoản phải thu được thu hồi nhanh thì số vòng quay luân chuyển các khoản phải thu sẽ cao và các công ty ít bị chiếm dụng vốn. Tuy nhiên, số vòng quay các khoản phải thu nếu quá cao sẽ không tốt vì có thể ảnh hưởng tới lượng hàng hoá tiêu thụ do phương thức thanh toán quá chặt chẽ.

d. Kỳ thu tiền bình quân:

Kỳ thu tiền trung bình phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi được các khoản phải thu (Số ngày một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360 \text{ (ngày)}}{\text{Số vòng quay các khoản phải thu}}$$

Vòng quay các khoản phải thu

Chỉ tiêu này cho thấy để thu hồi các khoản phải thu cần một thời gian là bao nhiêu. Nếu số ngày này mà lớn hơn thời gian bán chịu quy định cho khách hàng thì việc thu hồi các khoản phải thu là chậm và ngược lại số ngày bán chịu cho khách hàng lớn hơn thời gian này thì có dấu hiệu chứng tỏ việc thu hồi nợ đạt trước kế hoạch về thời gian.

CHƯƠNG II

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG HẢI PHÒNG

2.1 Giới thiệu về Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG HẢI PHÒNG

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng

Tên viết tắt: Cty CP Tư Vấn XDNN & CSHT HP

Tên giao dịch quốc tế: HAI PHONG Agriculture and Infrastructure Construction Consultative Joint Stock Company

Trụ sở công ty: Số 816 đường Trần Nhân Tông - Phường Nam Sơn - Quận Kiến An - Thành Phố Hải Phòng.

Điện Thoại: 0313.876957- 0313.878118

Fax: 0313.876957

E-mai: ctcptvxdnnchsht@yahoo.com

Tài khoản: 321.10000000443 tại Ngân hàng đầu tư phát triển Hải Phòng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số: 0203001375 ngày 8/4/2005.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng là một doanh nghiệp kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hải Phòng. Công ty Cổ phần tư vấn XDNN & CSHT Hải Phòng hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông của công ty cùng góp vốn, cùng hưởng cổ tức và cùng chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp. Mục tiêu của Công ty

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

là đẩy mạnh hoạt động tư vấn xây dựng trong các lĩnh vực đã được đăng ký kinh doanh, quản lý và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, công ty luôn luôn quan tâm đến việc đổi mới công nghệ, tăng sức cạnh tranh để tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng thu nhập và cổ tức cho người lao động các cổ đông, đóng góp đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước và xây dựng công ty ngày càng phát triển.

Tiền thân của doanh nghiệp là phòng Khảo sát thiết kế thuộc Sở Thủy lợi Hải Phòng từ đầu những năm 1960. Qua quá trình hoạt động đổi tên thành đoàn Khảo sát thiết kế thủy lợi, Xí nghiệp khảo sát thiết kế thủy lợi, Công ty tư vấn ĐTXDNN & PTNT Hải Phòng.

Ngày 6/2/2004: Căn cứ quyết định số 3222/ QĐ- UB của UBND Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án cổ phần và quyết định chuyển công ty tư vấn ĐTXDNN & PTNT HẢI PHÒNG thành công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng.

Hiện tại, Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng có đội ngũ kỹ sư lành nghề, cơ sở vật chất hiện đại có thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các công trình thủy lợi, ngành Nông nghiệp, giao thông, các công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh bạn.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty

Vốn điều lệ của công ty là: 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu đồng). Trong đó:

	Số cổ phần
➤ Cổ đông là Nhà nước:	
- Bà Nguyễn Thị Xuân (Đại diện)	7.000
➤ Cổ đông là người lao động trong Doanh nghiệp:	
- Ông Trung Xuân Thí (Đại diện)	21.040
➤ Cổ đông là người lao động trong và ngoài Doanh nghiệp:	
- Ông Trần Văn Hạnh (Đại diện)	6.960

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

2.1.2 Lĩnh vực kinh doanh.

Là một đơn vị tư vấn xây dựng của Hải Phòng, thời gian qua công ty đã giành được sự tín nhiệm của các chủ đầu tư cũng như các đơn vị khác trong ngành, đặc biệt là từ sau khi chuyển thành công ty cổ phần. Từ phạm vi hoạt động và phạm vi khách hàng chủ yếu tại khu vực Hải Phòng, đến nay công ty đã vươn ra cung cấp dịch vụ cho các đơn vị tại các tỉnh khác như: Quảng Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Thái Bình...

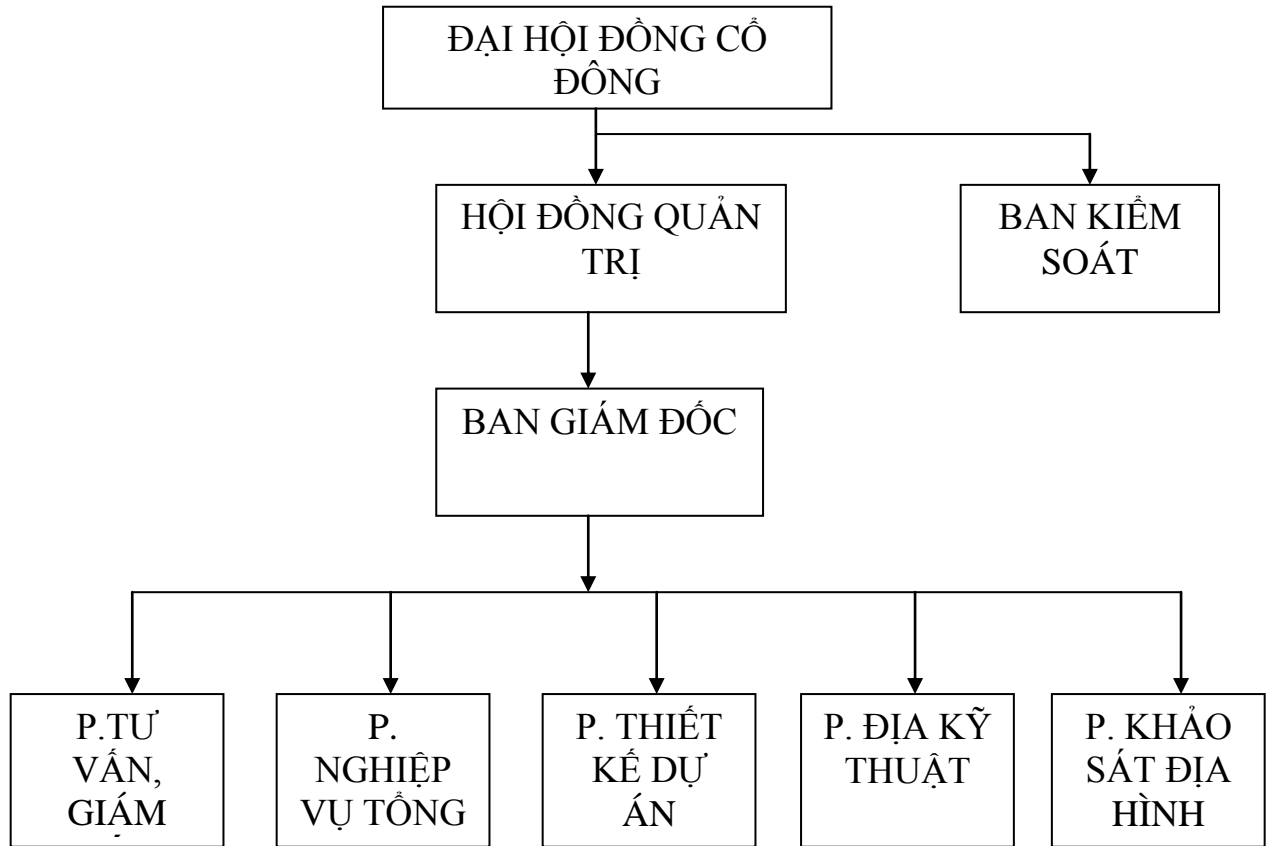
Kết cấu ngành nghề kinh doanh của công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

- Khảo sát địa hình, địa chất, địa chính, thủy văn, môi trường phục vụ các giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình.
- Tư vấn, đầu tư xây dựng bao gồm: Lập và quản lý dự án đầu tư, thiết kế và thi công các công trình Thủy lợi, Xây dựng thủy sản, Nông Lâm nghiệp, Công nghiệp, Giao thông, Điện, Cấp thoát nước, Công trình biển và bến Cảng.
- Tư vấn thiết kế nội, ngoại thất các công trình nhà ở, thương mại, văn phòng.
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán, giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn đấu thầu các công trình xây dựng.
- Kiểm định chất lượng xây dựng, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất nèn, tính chất cơ lý hóa vật liệu xây dựng, đánh giá nguyên nhân và sự cố công trình.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức của công ty

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty



*** Chức năng các phòng ban trong công ty**

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau:

- Quyết định cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của công ty do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu ra, số thành viên Hội đồng quản trị là 5 thành viên, bao gồm:

<i>Ông</i> Trung Văn Thí	Chủ tịch
<i>Bà</i> Bùi Thị Hòa	Phó chủ tịch
<i>Bà</i> Nguyễn Thị Xuân	Thành viên
<i>Ông</i> Nguyễn Quang Hợp	Thành viên
<i>Ông</i> Lương Xuân Bằng	Thành viên

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quản lý công ty theo điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bảo toàn vốn của Công ty và tuân thủ theo đúng pháp luật.
- Thực hiện trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia cổ tức và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát công ty là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên do đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của công ty.

Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Giám đốc công ty

Giám đốc của công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau đây

- Quyết định mọi vấn đề liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Được quyền quyết định các hợp đồng mua, bán, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ của công ty.

Phòng nghiệp vụ tổng hợp:

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

- Đảm nhận công tác tổ chức nhân sự, thi công, bảo vệ, tạp vụ, lái xe, chính sách lao động - tiền lương, chính sách cán bộ, hành chính quản trị, hành chính hồ sơ dự án...

- Đảm nhận công tác kế hoạch, thị trường, hợp đồng kinh tế về thiết kế và giám sát thi công, lập hồ sơ và tham gia đấu thầu tư vấn các công trình.

- Cung ứng vật tư, văn phòng phẩm, trang bị, sửa chữa và nâng cấp thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất của công ty.

- Bàn giao sản phẩm cho chủ đầu tư, thanh quyết toán sản phẩm với chủ đầu tư và các đơn vị trực tiếp sản xuất. Lưu giữ hồ sơ các công trình thiết kế đã được phê duyệt.

- Đảm nhiệm các nội dung công tác về thu chi tài chính, hạch toán, thanh quyết toán quản lý vốn, tài sản, vật tư, thiết bị ...

Phòng thiết kế - dự án:

- Có nhiệm vụ thu thập tài liệu, tiếp nhận hồ sơ khảo sát địa hình, khảo sát địa chất...để tiến hành tính toán thuyết minh kỹ thuật, lập tổng dự toán, lập bản vẽ thi công, thuyết minh tổ chức thi công, giám sát tác giả theo hợp đồng với chủ đầu tư.

- Phòng dự án có nhiệm vụ lập dự án khả thi, tiền khả thi các công trình mà công ty giao, lựa chọn phương án tối ưu về kỹ thuật, tiền vốn...chịu trách nhiệm trước pháp luật và lãnh đạo công ty về dự án được lập.

Phòng khảo sát địa hình:

- Đảm nhiệm công việc khảo sát địa hình, đo đạc, xây dựng tài liệu cơ bản như: Bản đồ, trắc dọc ngang...để phục vụ cho công tác thiết kế, lập dự án các công trình. Mọi công tác khảo sát phải được tiến hành theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

Phòng địa kỹ thuật:

- Đảm nhiệm việc khoan địa chất, lấy mẫu, thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá nền móng phục vụ thiết kế, kiểm định chất lượng từng công trình theo hợp đồng

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

của công ty. Mọi công tác khảo sát địa chất, thí nghiệm, kiểm định chất lượng phải được tiến hành theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

Phòng Tư vấn giám sát:

- Giám sát thi công các công trình theo sự phân công, phát hiện các tồn tại về hồ sơ và tổ chức thi công hiện trường, cảnh báo các nguy cơ tiềm ẩn (nếu có).

- Kiểm tra, hướng dẫn công tác lập hồ sơ quản lý chất lượng các công trình, nghiên cứu đề án thiết kế của các công trình được giao giám sát và theo dõi. Phát hiện các sai sót, tồn tại và đưa ra các phương án sửa đổi, bổ sung.

2.1.4 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty

a. Thuận lợi:

➤ Trong thời gian qua, công ty luôn được UBND Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các Sở, Ban, Ngành quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ và tạo điều kiện.

➤ Hội đồng quản trị và Ban giám đốc kết hợp chủ động và thống nhất cao trong điều hành sản xuất là yếu tố thuận lợi trong thành công của công ty.

➤ Có kinh nghiệm được tích lũy trên 40 năm trong công tác tư vấn thiết kế.

➤ Có trang thiết bị tương đối hiện đại, phù hợp công nghệ mới, tạo ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng với yêu cầu đổi mới của nền kinh tế thị trường.

➤ Lực lượng lao động có chuyên môn, đại bộ phận có ý thức lao động tốt, tích cực vì công việc chung, không quản thời gian và khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

➤ Toàn bộ công tác tư vấn của công ty được thực hiện theo quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000 (Quality management systems - Requirements (Tiêu chuẩn Việt Nam tương đương: TCVN ISO 9001:2000 Quản lý chất lượng - Các yêu cầu).

b. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi kể trên thì công ty cũng không ít những khó khăn trong quá trình hoạt động.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản nói chung hạn chế, vốn đầu tư cho công trình ngành Nông nghiệp càng hạn hẹp, công trình nhỏ, đầu tư phân tán. Vốn của doanh nghiệp ít, do đó để có vốn phục vụ sản xuất phải đi vay tín dụng và phải chịu lãi suất.
- Khả năng thanh toán của các chủ đầu tư thường chậm và kéo dài, thủ tục thanh quyết toán liên quan đến nhiều khâu, dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn thấp.
- Lực lượng có trình độ tay nghề cao còn thiếu, nhiều khi không đủ để đáp ứng kịp tiến độ công việc theo yêu cầu của khách hàng.
- Công tác đấu thầu làm cho chi phí tăng thêm, thời gian và thủ tục kéo dài, nhiều khi vượt quá thời gian làm việc chính, nên đã ảnh hưởng đến tiền công của người lao động và hiệu quả kinh doanh của công ty.
- Đơn giá, chính sách về xây dựng cơ bản liên tục thay đổi, ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ công tác thiết kế (đặc biệt là công tác lập dự toán).
- Do nguồn vốn ít nên việc đầu tư đổi mới trang thiết bị để sản xuất còn gặp nhiều khó khăn.
- Tư tưởng của một số người lao động còn chưa ổn định, đứng chỗ này trông chỗ kia, phần nào đã ảnh hưởng đến hoạt động của các phòng ban trong công ty.
- Hiện nay, trong nền kinh tế hội nhập có nhiều đối thủ cạnh tranh đòi hỏi công ty phải ngày càng nâng cao chất lượng công tác thiết kế các công trình, không ngừng đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị.
- Như chúng ta đã biết, trong thời gian qua, tình hình lạm phát trong nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người dân, và các doanh nghiệp xây dựng cũng không phải là ngoại lệ, giá cả vật tư, máy móc, thiết bị đầu vào phục vụ cho việc kinh doanh không ổn định và có chiều hướng ngày càng tăng cao. Chính vì vậy, chi phí sản xuất ngày càng tăng gây không ít khó khăn cho công ty, buộc các công ty phải đứng trước một bài toán khó là làm sao vừa đảm bảo lợi nhuận cho công ty và cũng làm sao để có thể cạnh tranh được với các đơn vị khác trong cùng khối ngành Xây dựng.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

➤ Tình hình thời tiết ở nước ta nhất là vào các mùa mưa cũng ảnh hưởng tới tiến độ thi công của các công trình. Nguyên nhân là do nằm trong vùng chịu ảnh hưởng chung của biến đổi khí hậu đến các tỉnh - thành phố ven biển, nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm của Hải Phòng (từ năm 2000 đến năm 2010) luôn có sự biến đổi thất thường. Trong những năm gần đây, Hải Phòng đang phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn mà hậu quả của nó là khó kiểm soát được.

2.1.5 Khái quát chung về tình hình tài chính của Công ty năm 2009 - 2010

Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Thay đổi	
			+/-	%
Tổng tài sản	9,632,468,253	13,644,113,519	+ 4,011,645,266	+ 41.65
Tài sản lưu động	7,177,845,064	11,594,067,543	+ 4,416,222,479	+ 61.53
Tài sản cố định	2,454,623,189	2,050,045,976	- 404,577,213	- 16.48
Tổng nguồn vốn	9,632,468,253	13,644,113,519	+ 4,011,645,266	+ 41.65
Nợ phải trả	5,614,054,298	8,873,554,759	+ 3,259,500,461	+ 58.06
Vốn chủ sở hữu	4,018,413,955	4,770,558,760	+ 752,144,805	+ 18.72

(Nguồn: BCDKT năm 2009, 2010)

Qua những số liệu trên, ta có thể thấy được khái quát tình hình tài chính của công ty trong 2 năm gần đây. Trước hết, về quy mô tổng tài sản cũng như tổng nguồn vốn của công ty có xu hướng tăng. Năm 2010, mặc dù tổng tài sản tăng 4,011,645,266 đồng (tương đương tăng 41.65 %) nhưng tài sản cố định lại giảm 404,577,213 đồng (tương đương giảm 16.48 %), còn tài sản lưu động tăng 4,416,222,479 đồng (tương đương tăng 61.53 %) so với năm 2009. Việc giảm TSCĐ này là do trong năm 2010, công ty đã thanh lý một số TSCĐ đã hết thời hạn sử dụng. Về phần nguồn vốn, nợ phải trả tăng lên 3,259,500,461 đồng (tương đương tăng 58.06 %), vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng thêm 752,144,805 (tương đương tăng 18.72 %) so với năm 2009.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Bảng 2.2 Báo cáo kết quả kinh doanh

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So sánh	
			+/-	%
1. Tổng doanh thu	8,939,092,329	14,282,222,725	+5,343,130,396	59.77
2. Doanh thu thuần	8,939,092,329	14,282,222,725	+5,343,130,396	59.77
3. Giá vốn hàng bán	7,489,508,002	11,716,968,459	+4,227,460,457	56.45
4. Lợi nhuận gộp	1,449,584,327	2,565,254,266	+1,115,669,939	76.96
5. Doanh thu tài chính	19,644,301	48,171,505	+28,527,204	145.22
6. Chi phí tài chính	80,335,916	57,479,000	-22,856,916	- 28.45
- Trong đó: Chi phí lãi vay	80,335,916	57,479,000	-22,856,916	- 28.45
7. Chi phí quản lý DN	878,943,441	1,652,256,097	+773,312,656	87.98
8. LN trước thuế	509,829,823	911,545,869	+401,716,046	78.79
9. Thuế thu nhập DN	66,022,962	159,545,869	+93,522,907	141.65
10. Lợi nhuận sau thuế	443,806,861	752,144,805	+308,337,944	69.48

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh 2009-2010)

Nhìn vào bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ta thấy:

Doanh thu thuần của công ty năm 2010 so với năm 2009 tăng 5,343,130,396 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 59.77 %. Đó là do trong năm 2010, công ty đã ký thêm được nhiều hợp đồng với khách hàng, trong đó không thể không kể đến các công trình lớn như: Dự án tu bổ đê điều vốn Trung ương năm 2010, dự án nâng cấp hệ thống đê biển

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

I Hải Phòng (do PAM tài trợ), dự án di dân tái định cư vùng kinh tế mới Tiên Lãng – Hải Phòng... đã mang lại cho công ty những nguồn thu đáng kể.

Vì hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn thiết kế nên chi phí của mà công ty phải bỏ ra chủ yếu là chi phí nhân công (chi phí cho người tư vấn). Năm 2010, nhiều hợp đồng được ký kết nên kéo theo chi phí nhân công tăng lên làm cho giá vốn hàng bán cũng tăng 4,227,460,457 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 56.45 % so với năm 2009.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty tăng 28,527,204 đồng.

Chi phí tài chính giảm 22,856,916 đồng do chi phí lãi vay năm 2010 so với năm 2009 giảm 28.45 %.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 773,312,656 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 87.98 %. Tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu, điều này chứng tỏ công tác quản lý chi phí của công ty chưa tốt, cần có biện pháp khắc phục để quản lý tốt hơn nhằm tiết kiệm chi phí.

Theo đó, Lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tăng lên đáng kể, cụ thể là năm 2010 tăng 308,337,944 đồng so với năm 2009, tương ứng với tỷ lệ tăng 69.48 %.

Qua đó cho thấy, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2010 so với năm 2009 đã có sự chuyển biến rõ rệt, doanh thu và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước, đây là một kết quả rất đáng mừng, công ty cần duy trì và phát huy hơn nữa.

2.2 Tình hình sử dụng vốn tại Công ty CP Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng.

2.2.1 Đánh giá khái quát tình hình biến động về vốn và nguồn vốn của công ty.

Từ khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần, công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng đã ngày càng phát triển hơn về quy mô sản xuất kinh doanh nên quy mô về vốn cũng ngày càng lớn và vốn được huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Để đánh giá được tình hình sử dụng vốn của công ty thì việc

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

xem xét tổ chức, bố trí cơ cấu vốn và nguồn vốn là rất cần thiết. Từ đó, ta có thể đánh giá được cơ cấu vốn đó đã hợp lý hay chưa? Có phát huy được tác dụng tối đa của đồng vốn hay không? Và ảnh hưởng của nó đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như thế nào? Để trả lời được những câu hỏi này, trước tiên ta sẽ xét xem cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu vốn của công ty được bố trí như thế nào.

a. Cơ cấu nguồn vốn của công ty.

Để thấy rõ hơn sự gia tăng đáng kể vốn kinh doanh qua các năm của công ty chủ yếu được tài trợ từ nguồn nào và việc gia tăng đó có thật sự hiệu quả không ta đi sâu vào phân tích cơ cấu nguồn vốn của công ty.

Bảng 2.3 Cơ cấu nguồn vốn của công ty trong 2 năm 2009-2010

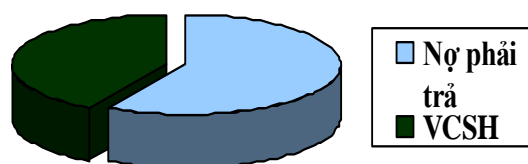
DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Số tiền	TT	Số tiền	TT	+/-	%
Nợ phải trả	5,614,054,298	58.28	8,873,554,759	65,03	+3,259,500,461	+58.06
- Nợ ngắn hạn	4,596,609,712	81.87	6,356,110,173	71.63	+1,759,500,461	+38.27
- Nợ dài hạn	1,017,444,586	18.13	2,517,444,586	28.37	+1,500,000,000	+147.4
VCSH	4,018,413,955	41.72	4,770,558,760	34.97	+752,144,805	+18.72
Tổng NV	9,632,468,253	100	13,644,113,519	100	+4,011,645,266	+41.65

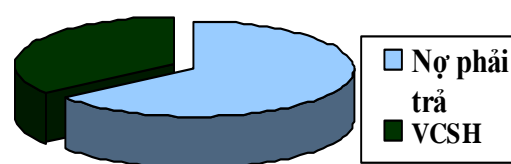
(Nguồn: BCDKT năm 2009, 2010)

Đồ thị 2.1 Kết cấu nguồn vốn của công ty

Kết cấu nguồn vốn của Công ty năm
2009



Kết cấu nguồn vốn của Công ty năm
2010



**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Qua bảng 2.3 và đồ thị trên cho thấy, nguồn vốn của công ty năm 2010 tăng so với năm 2009. Cơ cấu nguồn vốn cũng biến động theo tình hình sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty. Cụ thể là:

➤ Năm 2009, tổng nguồn vốn của công ty là 9,632,468,253 đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu chiếm 41.72 %, trong khi đó nợ phải trả chiếm 58.28 % mà chủ yếu là những khoản nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất cao trong khoản nợ phải trả ở mức 99.68 %. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang chịu một áp lực rất lớn trong thanh toán nợ ngắn hạn.

➤ Bước sang năm 2010, nguồn vốn của công ty là 13,644,113,519 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 41.65 % so với năm 2009. Cơ cấu nguồn vốn cũng thay đổi nhưng tỷ suất nợ phải trả vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn. Tỷ trọng nợ phải trả tăng, chiếm 65.03 %, cao hơn năm 2009 là 6.75 %.

➤ Năm 2010, vốn chủ sở hữu tăng lên đạt mức 4,770,558,760 đồng (tăng 18.72 %) so với tổng nguồn vốn, mức tăng này hơi nhỏ so với mức tăng của nguồn vốn. Đó cũng là nguyên nhân làm cho tỷ trọng vốn chủ sở hữu giảm xuống chỉ còn 34.97 % , so với năm 2009 là 41.72 %.

b. Cơ cấu vốn kinh doanh của công ty.

Vốn của công ty tồn tại dưới hai hình thức, đó là vốn cố định và vốn lưu động. Vốn cố định dùng để trang trải cho tài sản dài hạn như mua sắm, trang bị máy móc, đầu tư xây dựng cơ bản... Vốn lưu động chủ yếu đảm bảo cho tài sản lưu động như mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ... Để thấy rõ hơn tình hình biến động và cơ cấu vốn kinh doanh của công ty, ta xét bảng sau:

Bảng 2.4 Cơ cấu vốn của công ty trong 2 năm 2009-2010

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Số tiền	TT	Số tiền	TT	+/-	%

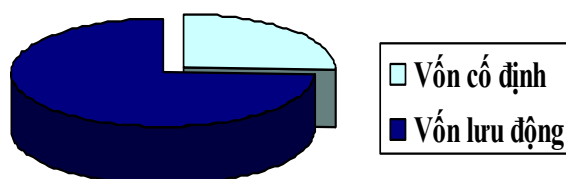
**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Vốn cố định	2,454,623,189	25.48	2,050,045,976	15.02	- 404,577,213	- 16.48
Vốn lưu động	7,177,845,064	74.52	11,594,067,543	84.98	+ 4,416,222,479	+ 61.53
Tổng vốn	9,632,468,253	100	13,644,113,519	100	+ 4,011,645,266	+ 41.65

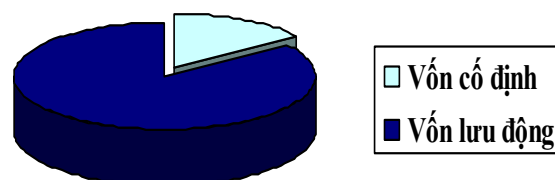
(Nguồn: BCDKT năm 2009, 2010)

Đồ thị 2.2 Kết cấu vốn của công ty.

Kết cấu vốn của Công ty năm 2009



Kết cấu vốn của Công ty năm 2010



Qua số liệu tính toán trên và đồ thị 2.2 cho thấy trong hai năm 2009 và 2010, quy mô vốn của công ty đã tăng lên theo quy mô sản xuất kinh doanh, và tăng với tốc độ rất nhanh.

Năm 2010 quy mô vốn của công ty đạt 13,644,113,519 đồng, tăng 4,011,645,266 đồng so với năm 2009, tương ứng với 41.65 %.

Sự gia tăng đáng kể về vốn kinh doanh của công ty qua các năm chủ yếu là do sự tăng lên của vốn lưu động. Năm 2010, vốn lưu động của công ty tăng 4,416,222,479 đồng tương ứng tăng 61.53 % so với năm 2009.

Sự biến động về quy mô vốn cũng làm kết cấu vốn của công ty có sự thay đổi. Cụ thể là năm 2009, vốn kinh doanh của công ty là 9,632,468,253 triệu đồng, trong đó vốn cố định chiếm 25.48 %, vốn lưu động chiếm 74.52 %. Sang năm 2010, quy mô

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

vốn tăng lên 13,644,113,519 đồng cũng làm kết cấu vốn có sự thay đổi, vốn cố định chiếm tỷ trọng 15.02 %, vốn lưu động chiếm 84.98 %. Qua đó cho thấy vốn lưu động ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn của công ty.

2.2.2 Tình hình quản lý và sử dụng vốn

a. Tình hình quản lý và sử dụng tổng vốn

Để xem xét tình hình quản lý và sử dụng vốn của công ty, trước hết ta đi phân tích tình hình nguồn vốn của công ty:

Bảng 2.5 Tình hình nguồn vốn của Công ty

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Số tiền	TT	Số tiền	TT	+/-	%
A.Nợ phải trả	5,614,054,298	58.28	8,873,554,759	65.03	+3,259,500,461	+58.06
I.Nợ ngắn hạn	4,596,609,712	81.87	6,356,110,173	71.63	+1,759,500,461	+38.3
1.Vay và nợ NH	527,000,000	11.46	400,000,000	6.3	-127,000,000	-24.1
2.Ng.mua trả tiền trước	2,646,269,500	57.6	4,586,700,000	72.16	+1,940,430,500	+73.3
3.Thuế&KPN NN	552,104,107	12.01	1,015,254,880	15.9	+463,150,773	+83.89
4.Phải trả NLD	33,277,061	0.72	26,269,006	0.41	-7,008,055	-21.1
5.C.phí phải trả	130,995,964	2.84	130,995,964	2.06	-	-
6.P.trả,P.nộp khác	706,963,080	15.38	196,899,323	3.1	-510,063,757	-72.15
II.Nợ dài hạn	1,017,444,586	18.13	2,517,444,586	28.37	+1,500,000,000	+147.4
1.Vay và nợ DH	1,000,000,000	98.2	2,500,000,000	99.3	+1,500,000,000	+150
2.DPTC mất VL	17,444,586	1.8	17,444,586	0.7	-	-
B.VCSH	4,018,413,955	41.72	4,770,558,760	34.97	+752,144,805	+18.72
I.Vốn CSH	4,015,272,864	99.92	4,767,417,669	99.93	+752,144,805	+18,73
1.Vốn ĐT CSH	3,500,000,000	87.16	3,500,000,000	73.42	-	-

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

2.Quỹ đ.tu- p.triển	463,845,611	11.6	463,854,611	9.73	-	-
3.Quỹ DP TChính	51,427,253	1.3	51,427,253	1.08	-	-
4.LNST chưa PP	-		752,144,805	15.8	+752,144,805	-
II.NKP&Q.khác	3,141,091	0.08	3,141,091	0.07	-	-
1.Quỹ KT,PL	3,141,091		3,141,091		-	-
TỔNG N.VỐN	9,632,468,253	100	13,644,113,519	100	4,011,645,266	+41.65

(Nguồn: BCDKT năm 2009, 2010)

Năm 2010, tổng nguồn vốn kinh doanh của công ty tăng 4,011,645,266 đồng, tương đương tăng 41.65 % so với năm 2009. Nguyên nhân là do:

➤ Nợ phải trả năm 2010 tăng 3,259,500,461 đồng, tương đương tăng 58.24% so với năm 2009. Nguyên nhân là do trong năm 2010 số lượng đơn đặt hàng tăng, nhiều khách hàng đã đặt trước tiền thanh toán cho công ty nên làm cho khoản đặt trước của khách hàng cũng tăng lên 1,940,430,500 đồng so với năm 2009 (tương đương tăng 73.3 %).

Khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước cũng tăng lên 83.89% so với năm 2009, trong đó hầu hết là khoản công ty nợ tiền BHXH phải đóng cho người lao động. Vì vậy, trong thời gian tới công ty cần hoàn tất việc thanh toán các khoản nợ này với Nhà nước để vừa đảm bảo quyền lợi cho người lao động lại vừa tránh làm ảnh hưởng đến uy tín công ty đối với Nhà nước.

Năm 2010 là một năm đầy biến động của thị trường tiền tệ trong nước cũng như trên Thế giới, đó là một năm mà nền kinh tế nước ta gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn phục hồi sau những ảnh hưởng từ biến động kinh tế thế giới 2008 – 2009. Theo đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng đều đồng loạt tăng cao. Chính vì vậy mà trong năm vừa rồi, nhằm giảm chi phí lãi vay phải trả, công ty đã trả một phần nợ ngắn hạn với số tiền là 127,000,000 đồng làm khoản nợ ngắn hạn của công ty giảm xuống 24.1 % so với năm 2009.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết ở nước ta (nhất là vào các mùa mưa) luôn có sự thay đổi thất thường, càng ngày chúng ta càng phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn làm ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của người dân, phá hủy hệ thống đê điều, gây nên tình trạng ngập lụt...và rất nhiều những hậu quả khó có thể kiểm soát được khác. Vì thế, việc tăng cường tu bổ, sửa chữa đê điều đang được đặt ra như một yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết. Với uy tín và kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, công ty đã được giao tư vấn thiết kế cho một số công trình thuộc dự án trọng điểm có sự đầu tư của Nhà nước. Hơn nữa, do công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn về thủy lợi, ngoài mục đích lợi nhuận ra còn có mục đích về an sinh xã hội nên công ty đã được ưu tiên vay lại nguồn vốn ODA. Năm 2009, số vốn dài hạn mà công ty vay là 1,000,000,000 đồng và sang đến năm 2010, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu về vốn của mình công ty đã vay dài hạn thêm 1,500,000,000 đồng từ nguồn vốn cho ODA cho vay lại từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

➤ Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2010 so với năm 2009 cũng tăng lên 752,144,805 đồng. Nguyên nhân làm cho nguồn vốn chủ sở hữu tăng là do năm 2010 là một năm tương đối thành công đối với công ty, với việc thực hiện được nhiều hợp đồng tư vấn xây dựng lớn đối với các khách hàng nên trong năm này khoản lợi nhuận chưa phân phối của công ty là 752,144,805 đồng. Do đó làm cho nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên 18.72 % so với năm 2009.

Xét về tỷ trọng trong tổng nguồn vốn, ta thấy nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhiều hơn. Tỷ trọng nợ phải trả và tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong năm 2010 cũng có sự thay đổi. Năm 2009, tỷ trọng của vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 41.72 %, còn nợ phải trả chiếm 58.28 %. Sang đến năm 2010, tỷ trọng nợ phải trả tăng lên 65.03 % làm cho tỷ trọng vốn chủ sở hữu giảm xuống còn 34.97 %. Mặc dù mức chênh lệch này không phải quá lớn nhưng điều này chứng tỏ vốn mà công ty đang sử dụng chủ yếu từ vốn vay và vốn đi chiếm dụng.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Bảng 2.6 Tình hình vốn của Công ty trong 2 năm 2009-2010

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Số tiền	TT	Số tiền	TT	+/-	%
I.Vốn LĐ	7,177,845,064	74.52	11,594,067,453	84.98	+4,416,222,479	+61.53
1.Tiền	796,032,047	11.09	1,022,338,200	8.81	226,306,153	+28.42
2.Các KPT	6,004,910,569	83.65	9,783,222,269	85.24	3,878,311,700	+64.58
3. HTK	55,166,948	0.77	65,157,577	0.56	9,990,629	+18.1
4.TSNH khác	321,735,500	4.49	623,349,497	5.38	+301,613,997	+93.74
II.Vốn CD	2,454,623,189	25.48	2,050,045,976	15.02	-404,577,213	-16.48
1.TSCĐ	1,978,475,929	80.6	1,716,916,873	83.7	-244,475,036	-12.36
2. TSDH khác	420,347,260	19.4	260,245,083	16.3	-160,102,177	-38.08
Tổng vốn	9,632,468,253	100	13,644,113,519	100	+4,011,645,266	+41.65

(Nguồn: BCĐKT năm 2009, 2010)

Qua bảng trên ta thấy, tổng vốn của công ty năm 2010 tăng 4,011,645,266 đồng (tương ứng với tỷ lệ tăng 41.65 %) so với năm 2009. Cụ thể như sau:

- Vốn lưu động tăng lên 4,416,222,479 đồng (tương đương tăng 61.53 %) so với năm 2009. Tỷ trọng vốn lưu động trong tổng vốn cũng thay đổi, năm 2009 tỷ trọng vốn lưu động chiếm 74.52 % và sang đến năm 2010 đã tăng lên tới 84.98 %. Nguyên nhân là do:

+ Vốn bằng tiền của công ty năm 2010 so với năm 2009 đã tăng. Năm 2009, vốn bằng tiền chỉ có 796,032,047 đồng thì đến năm 2010 tăng lên 1,022,338,200 đồng. Nguyên nhân làm cho vốn bằng tiền của công ty tăng lên là do trong năm 2010, một số khách hàng đã đặt trước tiền mà chủ yếu là qua hình thức chuyển khoản nên đã làm cho vốn bằng tiền của công ty tăng 28.42 % so với năm 2009. Công ty cần có kế hoạch và biện pháp sử dụng vốn bằng tiền một cách hợp lý vào hoạt động sản xuất

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

kinh doanh của mình để tránh tình trạng vốn nhàn rỗi mà không sử dụng, không sinh lời.

+ Ta nhận thấy trong cơ cấu vốn lưu động, các khoản phải thu chiếm tỷ trọng rất lớn. Năm 2010, các khoản phải thu tăng lên 3,878,311,700 đồng (tương đương tăng 64.58 %) so với năm 2009. Nguyên nhân chính làm cho các khoản phải thu là vì trong năm 2010, công ty đã nhận tư vấn cho một số công trình thủy lợi nằm trong danh sách các dự án trọng điểm quốc gia, do thủ tục giải ngân của các dự án này còn đang trong quá trình giải quyết nên công ty vẫn chưa thu hồi được nợ. Một nguyên nhân nữa làm cho khoản phải thu tăng lên là do công tác thu hồi công nợ của công ty trong năm 2010 chưa thực sự hiệu quả, về lâu dài sẽ gây nên tình trạng ứ đọng vốn. Vì vậy trong tương lai, công ty cần có những biện pháp tích cực hơn để tăng vòng quay các khoản phải thu và giảm kỳ thu tiền bình quân.

+ Hàng tồn kho năm 2010 cũng tăng lên 9,990,629 đồng (tương ứng tỷ lệ 18.1%), nhìn chung tỷ trọng hàng tồn kho trong tổng vốn lưu động vẫn chỉ chiếm một lượng rất nhỏ.

+ Ngoài ra, tài sản ngắn hạn khác năm 2010 cũng tăng lên rất nhanh, cụ thể là tăng 301,613,977 đồng so với năm trước.

- Trong khi vốn lưu động tăng lên thì vốn cố định lại có xu hướng giảm, năm 2010 đã giảm 404,577,213 đồng so với năm 2009 (tương đương giảm 16.48 %). Nguyên nhân là do trong năm 2010, công ty ít đầu tư thêm vào việc mua sắm máy móc thiết bị, do máy móc thiết bị của công ty vẫn còn mới. Trong khi đó, tốc độ tăng của nguyên giá năm 2010 vẫn nhỏ hơn giá trị hao mòn lũy kế hàng năm.

Qua đó có thể nhận thấy, trong tổng cơ cấu vốn của công ty thì tỷ trọng vốn lưu động lớn hơn tỷ trọng vốn cố định. Đây cũng là điều hết sức bình thường đối với một công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế như công ty CP Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng.

b. Tình hình quản lý và sử dụng vốn cố định.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Trong một doanh nghiệp thì vốn cố định đóng vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Quy mô vốn cố định có ảnh hưởng đến tình trạng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty. Qua đó sẽ tác động đến năng suất sản xuất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh. Do đó, vấn đề đặt ra là làm sao sử dụng vốn cố định một cách hiệu quả nhất. Để thấy rõ hơn tình hình sử dụng vốn cố định của công ty, ta xét bảng sau:

Bảng 2.7 Cơ cấu vốn cố định qua hai năm 2009-2010

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm		So sánh	
	2009	2010	Số tiền	%
1. TSCĐ	1,978,475,929	1,734,000,893	-244,475,036	-12.36
TSCĐ hữu hình	1,961,391,909	1,716,916,873	-244,475,036	-12.46
TSCĐ vô hình	17,084,020	17,084,020	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính DH	55,800,000	55,800,000	-	-
3. TSDH khác	260,245,083	260,245,083	-	-

(Nguồn: BCDKT năm 2009, 2010)

Qua bảng 2.7 ta nhận thấy quy mô tài sản cố định của công ty không tăng mà lại có xu hướng giảm xuống. Năm 2009, tài sản cố định của công ty là 1,978,475,929 đồng thì sang năm 2010 giảm xuống còn 1,734,000,893 đồng (tương đương giảm 12.36 %). Để thấy rõ hơn thực chất của việc giảm tài sản cố định này, ta xét bảng sau:

Bảng 2.8 Tình hình sử dụng Tài sản cố định trong hai năm 2009-2010

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Nguyên giá	TT	Nguyên giá	TT	+/-	%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	1,904,332,529	50.1	1,904,332,529	50.06	-	-
2. Máy móc thiết bị	1,429,285,632	37.6	1,577,285,632	41.46	+148,000,000	+10.35

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

3. Phương tiện vận tải	433,921,272	11.41	288,395,570	7.59	-145,525,702	-33.53
4. Tài sản vô hình	33,694,400	0.89	33,694,400	0.89	-	-
Tổng	3,801,233,833	100	3,803,708,131	100	2,474,298	+0.065

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Qua bảng trên ta thấy, giá trị máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong tổng Tài sản cố định. Tỷ trọng máy móc thiết bị năm 2009 là 37.6 % và năm 2010 là 41.46 %. Năm 2010, do lượng đặt hàng ngày càng nhiều nên công ty đã đầu tư mua thêm một máy quang học phục vụ cho việc khảo sát địa hình và một máy in Laze phục vụ cho việc in tài liệu với số tiền là 148,000,000 đồng. Bên cạnh đó, trong năm 2010, công ty đã thanh lý một phương tiện vận tải làm cho tỷ trọng phương tiện vận tải trong tổng tài sản cố định giảm đi 145,525,702 đồng (tương đương giảm 33.53 %). Tài sản vô hình và nhà cửa, vật kiến trúc không có sự thay đổi, cho thấy trong năm 2010 công ty không đầu tư thêm vào hai loại tài sản cố định này.

Bảng 2.9 Khả năng đảm bảo vốn cố định

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm		Chênh lệch	
	2009	2010	+/-	%
1.VCSH	4,018,413,955	4,770,558,760	752,144,805	+18.72
2.Vốn cố định	2,454,623,189	2,050,045,976	-404,577,213	-16.48
Chênh lệch	+1,563,790,766	+2,720,512,784	+1,156,722,018	73.96

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Qua bảng 2.9 ta thấy sự chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu và vốn cố định là tương đối lớn. Điều này chứng tỏ năng lực về tài chính nội bộ của công ty khá vững vàng, vốn chủ sở hữu của công ty có đủ khả năng đáp ứng được nhu cầu về vốn cố định. Năm 2009, vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn cố định là 1,563,790,766 đồng, năm 2010 lớn hơn là 2,720,512,784 đồng.

c. Tình hình quản lý và sử dụng vốn lưu động.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế nói riêng thì vốn lưu động luôn chiếm một tỷ trọng lớn và giữ vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất. Quy mô vốn lưu động cũng ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh. Do đó khi nghiên cứu về vốn kinh doanh chúng ta không thể không nghiên cứu về vốn lưu động. Và vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp là phải lựa chọn, cân nhắc cho mình một cơ cấu vốn lưu động tối ưu sao cho vừa đảm bảo chi phí sử dụng vốn lại vừa đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp.

Ta thấy trong cơ cấu vốn của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng thì vốn lưu động chiếm một tỷ trọng rất lớn (chiếm 74.52 % vào năm 2009 và chiếm 84.98 % vào năm 2010). Việc tăng tài sản lưu động là do đâu và việc tăng này có ảnh hưởng như thế nào tới công tác vốn của công ty? Để đánh giá được điều này ta sẽ xem xét việc bố trí cơ cấu vốn lưu động của công ty qua bảng sau:

Bảng 2.10 Cơ cấu Vốn cố lưu động qua 2 năm 2009-2010

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		So sánh	
	Số tiền	TT	Số tiền	TT	+/-	%
I.Tiền&khoản TĐ tiền	796,032,047	11.09	1,022,338,200	8.81	+226,306,153	+28.42
1.Tiền	796,032,047		1,022,338,200		+226,306,153	+28.42
II.Các KPT ngắn hạn	6,004,910,569	83.65	9,783,222,269	85.24	+3,878,311,700	+64.58
1.Phải thu kh.hàng	5,121,405,221	85.3	8,838,150,600	90.43	+3,816,745,379	+74.52
2.Trả trước cho n.bán	498,000,000	8.3	648,000,000	6.5	+150,000,000	+30.12
3.Các khoản PT khác	385,505,348	6.4	297,071,669	3.1	-88,433,679	-22.94

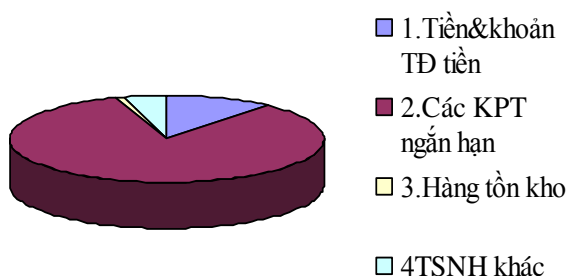
**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

III.Hàng tồn kho	55,166,948	0.77	65,157,577	0.56	+9,990,629	+18.1
1.Hàng tồn kho	55,166,948		65,157,577		+9,990,629	+18.1
IV.TSNH khác	321,735,500	4.49	623,349,497	5.38	+301,613,997	+93.74
TỔNG	7,177,845,064	100	11,594,067,543	100	4,416,222,479	61.53

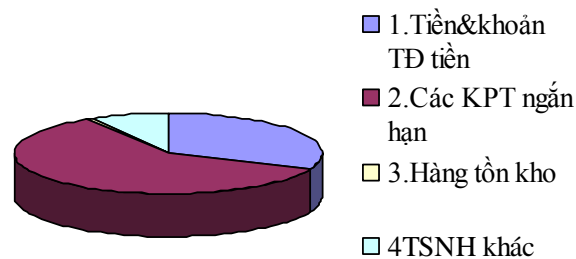
(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Đồ thị 2.4 Cơ cấu vốn lưu động trong 2 năm 2009-2010

Cơ cấu vốn lưu động năm 2009



Cơ cấu vốn lưu động năm 2010



Qua bảng số liệu 2.10 và đồ thị 2.4 ta có nhận xét sau:

Vốn lưu động năm 2010 tăng 4,416,222,479 đồng so với năm 2009 (tương đương tăng 61.53 %). Cụ thể như sau:

- Vốn bằng tiền tăng lên 226,306,153 đồng (tương đương tăng 28.42 %) đồng. Nguyên nhân chủ yếu làm cho vốn bằng tiền tăng lên là do trong năm vừa rồi có một số khách hàng đã đặt trước tiền thanh toán cho công ty (chủ yếu qua hình thức chuyển khoản). Điều này đã góp phần làm tăng khả năng thanh toán nhanh của công ty, công ty có thể kịp thời ứng phó và chủ động trong việc thanh toán đối với các khách hàng, đặc biệt là thanh toán bằng tiền.

- Hàng tồn kho năm 2010 cũng tăng lên 9,990,629 đồng (tương ứng tỷ lệ 18.1%), nhìn chung tỷ trọng hàng tồn kho trong tổng vốn lưu động vẫn chỉ chiếm một

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

lượng rất nhỏ. Lượng hàng tồn kho rất nhỏ cũng là đặc trưng của các công ty chỉ chuyên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, hàng tồn kho của công ty chủ yếu là các đồ dùng, dụng cụ văn phòng phẩm, các công cụ phục vụ cho công việc khảo sát thiết kế...

- Các khoản phải thu của công ty cũng có sự biến động. Năm 2010 là một năm hoạt động rất hiệu quả của công ty, công ty đã ký thêm được nhiều hợp đồng. Do đó, khoản phải thu khách hàng năm 2010 là 8,838,150,600 đồng, tăng 3,816,745,379 đồng so với năm 2009 (tương ứng với tỷ lệ 74.52 %). Ta nhận thấy tỷ trọng của khoản phải thu khách hàng trong tổng khoản phải thu cũng chiếm một tỷ trọng rất lớn, năm 2009 chiếm 85.3 % và năm 2010 chiếm tới 90.43 %. Nguyên nhân chủ yếu làm cho khoản phải thu khách hàng tăng lên và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng khoản phải thu ngắn hạn như vậy là do một số dự án trọng điểm có vốn đầu tư của Nhà nước mà công ty đã nhận trong thời gian qua (Dự án tu bổ đê điều vốn Trung ương, Dự án nâng cấp tuyến đê biển I...) vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải ngân nên công ty chưa thu hồi được nợ. Mặt khác, do nhiệm vụ của công ty là chuyên tư vấn thiết kế cho các công trình ở nhiều địa bàn khác nhau nên công ty có quan hệ với rất nhiều bạn hàng, hơn nữa nhiều công trình thi công có giá trị lớn nên công tác thu hồi công nợ còn gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, khoản trả trước cho người bán cũng tăng lên 150,000,000 đồng (tương ứng với tỷ lệ tăng 30.12 %) so với năm 2009. Các khoản phải thu khác có giảm đi nhưng giảm không đáng kể, cụ thể là giảm 88,433,679 đồng (tương ứng với tỷ lệ giảm là 22.94 %) so với năm 2009.

Nhìn chung, khoản phải thu năm 2010 tăng lên so với năm 2009, mức tăng cụ thể là 935,311,700 đồng (ứng với tỷ lệ 15.58 %). Tuy nhiên, nếu khoản phải thu tăng lên thì cũng đồng nghĩa với mức độ rủi ro trong việc thu hồi nợ sẽ cao. Chính vì vậy, công ty cần có những biện pháp thích hợp để thu hồi các khoản này mà không làm

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác lâu dài, đồng thời tránh tình trạng để khách hàng chiếm dụng vốn.

Nói tóm lại, năm 2010, các khoản phải thu và vốn bằng tiền chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng vốn lưu động của công ty. Trong tương lai, công ty cần có những biện pháp đẩy nhanh việc thu hồi nợ và sử dụng vốn bằng tiền một cách hợp lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh tình trạng vốn nhàn rỗi mà không sử dụng, không sinh lời.

2.2.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

Hiệu quả sử dụng vốn của bất kỳ một công ty nào cũng là một vấn đề then chốt vì nó gắn liền với sự tồn tại và phát triển của công ty. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cũng phần nào đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh được chính xác thì ta phải căn cứ vào đánh giá hiệu quả sử dụng của từng loại vốn, đó là vốn cố định và vốn lưu động.

a. Hiệu quả sử dụng tổng vốn.

Để đánh giá thực chất công tác sử dụng vốn kinh doanh của công ty, trước hết ta đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh nói chung của công ty qua một số chỉ tiêu sau đây:

Bảng 2.12 Đánh giá hiệu quả sử dụng tổng vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	So sánh 09/10	
				+/-	Δ%
1.Doanh thu thuần	Đồng	8,939,092,329	14,282,222,725	+5,343,130,396	+59.77
2.Lợi nhuận sau thuế	Đồng	443,806,861	752,144,805	+308,337,944	+69.48
3.Tổng vốn bình quân	Đồng	9,057,511,172	11,638,290,880	+ 2,580,779,708	+28.49
4.Vốn CSH bình quân	Đồng	3,508,125,525	4,394,486,358	+886,360,833	+25.3
5.Vòng quay tổng vốn(1/3)	Vòng	0.98	1.23	+0.25	+25.5
6.Hiệu quả sử dụng vốn ROA(2/3)	Lần	0.048	0.064	+0.016	+33.4

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

7.Doanh lợi VCSH ROE(2/4)	<i>Lần</i>	0.13	0.17	+0.04	+30.76
--------------------------------------	------------	------	------	-------	--------

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Qua bảng số liệu 2.12 ta nhận thấy vòng quay tổng vốn năm 2010 tăng 0.25 vòng (tương đương tỷ lệ 25.5 %) so với năm 2009. Vòng quay tổng vốn cho biết toàn bộ số vốn sản xuất kinh doanh của công ty trong kỳ luân chuyển được bao nhiêu vòng. Năm 2009, vốn của công ty quay được 0.98 vòng thì đến năm 2010 quay được 1.23 vòng. Nguyên nhân là do tình hình kinh doanh của công ty năm 2010 tương đối khả quan, công ty đã ký kết được nhiều đơn đặt hàng hơn trước. Do đó làm cho doanh thu thuần của công ty năm 2010 tăng lên 5,343,130,396 đồng (tương đương tăng 59.77 %) so với năm 2009, vốn bình quân cũng tăng 2,580,779,708 đồng (tương đương tỷ lệ tăng là 28.49 %. Tốc độ tăng của tổng vốn nhỏ hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần nên làm cho số quay vòng vốn tăng. Điều này cho thấy việc sử dụng vốn của công ty nhìn chung là đạt hiệu quả hơn năm trước. Cụ thể là chỉ số hiệu quả sử dụng vốn (ROA) năm 2010 đã tăng 0.016 lần so với năm 2009 (ứng với tỷ lệ tăng 33.4 %).

Tỷ số doanh lợi vốn chủ sở hữu cũng tăng lên 0.04 lần (tương đương tỷ lệ tăng là 30.76 %) so với năm 2009. Nguyên nhân làm tỷ số này tăng lên là do mức tăng của lợi nhuận sau thuế lớn hơn mức tăng của vốn chủ sở hữu. Cụ thể vào năm 2010, mức tăng của lợi nhuận sau thuế so với năm 2009 là 69.48 %, trong khi mức tăng của vốn chủ sở hữu là 25.3 %.

Tỷ số doanh lợi doanh thu năm 2010 cũng tăng lên 0.004 lần (ứng với tỷ lệ tăng 8.4 %) so với năm 2009. Đó là do công ty đã tiết kiệm được chi phí tài chính, doanh thu từ hoạt động tài chính tăng lên, chi phí khác giảm xuống... làm cho tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần (doanh thu thuần tăng 59.77 % trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 69.48 % so với năm 2009).

Qua những phân tích trên cho thấy tình hình sử dụng vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty năm 2010 tốt hơn năm 2009. Trong tương lai, công ty cần duy

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

trì và phát huy những kết quả đạt được nhằm giảm chi phí, tăng lợi nhuận, nâng cao khả năng sinh lời của đồng vốn.

b. Hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Vốn cố định là vốn đầu tư ứng trước về tài sản cố định và sau một thời gian dài mới thu hồi được toàn bộ. Do vậy, việc sử dụng tốt số vốn cố định hiện có là vấn đề có ý nghĩa kinh tế rất lớn và ảnh hưởng trực tiếp tới sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định của công ty, ta phân tích bảng sau:

Bảng 2.13 Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	So sánh 09/10	
				+/-	Δ%
1. Doanh thu thuần	Đồng	8,939,092,329	14,282,222,725	+5,343,130,396	59.77
2. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	443,806,861	752,144,805	+308,337,944	69.48
3. Vốn cố định bình quân	Đồng	2,483,444,095	2,252,334,583	-231,109,512	-9.3
4. Nguyên giá TSCĐ bình quân	Đồng	2,048,999,321	1,856,238,411	-192,760,910	-9.4
5. Hiệu quả sử dụng VCD(2/3)	Lần	0.18	0.34	+0.16	+88.9
6. Hiệu suất sử dụng VCD(1/3)	Lần	3.6	6.34	+2.74	+76.1
7. Hàm lượng VCD(3/1)	Lần	0.27	0.16	-0.11	-40.7

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Qua bảng số liệu trên ta thấy hiệu quả sử dụng vốn cố định của công ty năm 2010 là 0.34, tăng 0.16 lần so với năm 2009 (tương ứng tỷ lệ là 88.9 %), nghĩa là 1 đồng vốn bình quân trong năm 2010 tạo ra 0.34 đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 0.16 đồng so với cùng kỳ năm trước. Hiệu quả sử dụng vốn tăng nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế tăng 69.48 %, trong khi vốn cố định bình quân lại giảm 9.3 %.

Hiệu suất sử dụng vốn cố định của công ty năm 2010 cũng tăng 2.74 lần so với năm 2009. Năm 2009, 1 đồng vốn cố định tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

tạo ra 3.6 đồng doanh thu thuần. Đến năm 2010, 1 đồng vốn cố định tham gia vào sản xuất đã tạo ra 6.34 đồng doanh thu thuần, tăng 2.74 đồng so với năm 2009. Điều này cho thấy năm 2010, công ty đã sử dụng vốn cố định một cách hiệu quả, đó là do doanh thu thuần năm 2010 đã tăng 59.77 % so với năm 2009, trong khi đó, vốn cố định bình quân năm 2010 lại giảm 9.3 %. Chính vì thế đã làm tăng hiệu suất sử dụng vốn cố định. Doanh thu thuần tăng là do trong năm 2010 công ty đã ký thêm được nhiều hợp đồng lớn và đã mở rộng được phạm vi hoạt động của mình không chỉ ở Hải Phòng là còn sang phạm vi các tỉnh khác như Hải Dương, Thái Bình...

Hệ số đảm nhiệm vốn cố định năm 2009 là 0.27 lần, có nghĩa là để có 1 đơn vị doanh thu thuần thì cần 0.27 đơn vị vốn cố định. Năm 2010, hệ số đảm nhiệm vốn cố định là 0.16 lần, giảm 0.11 lần so với năm 2009 (tương ứng giảm 40.7 %). Điều này cho thấy trong 1 đồng doanh thu thì năm 2010 công ty đã tiết kiệm được 0.11 đồng vốn cố định so với năm 2009. Hệ số đảm nhiệm vốn cố định giảm xuống đã phần nào thể hiện được sự cố gắng của công ty trong việc sử dụng vốn cố định. Từ đó góp phần làm giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho công ty.

Nhìn chung trong năm 2010, công ty đã sử dụng vốn cố định đạt hiệu quả hơn hơn năm trước, nó thể hiện sự cố gắng của công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định, góp phần duy trì và đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

Song, để có một cái nhìn toàn diện và mang tính chất tổng hợp về hiệu quả sử dụng vốn thì ta không thể chỉ xem xét đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định mà phải đánh giá cả hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty.

c. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Trong điều kiện hiện nay, để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của công ty mà chỉ xem xét đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định thì hẳn là chưa đủ vì mỗi doanh nghiệp khác nhau sẽ có cơ cấu vốn khác nhau. Vốn kinh doanh nói chung và vốn lưu động nói riêng trong mỗi công ty là rất quan trọng, vì thế công ty muốn sử dụng vốn

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

kinh doanh có hiệu quả thì trước hết phải biết sử dụng vốn lưu động một cách hợp lý. Để đánh giá xem sự cố gắng của công ty trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động đã đạt kết quả như thế nào, ta xem xét bảng sau:

Bảng 2.14 Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	So sánh 09/10	
				+/-	Δ%
1. Doanh thu thuần	Đồng	8,939,092,329	14,282,222,725	+5,343,130,396	+59.77
2. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	443,806,861	752,144,805	+308,337,944	69.48
3. Vốn lưu động bình quân	Đồng	6,574,067,077	9,385,956,302	+2,811,889,225	+42.77
4. Giá vốn hàng bán	Đồng	7,489,508,002	11,716,968,459	+4,227,460,457	+56.45
5. Hàng tồn kho bình quân	Đồng	47,586,662	60,162,262	+12,575,600	+26.42
6. Các KPT bình quân	Đồng	4,511,151,497	7,894,066,419	+3,382,914,922	+74.9
7. Vòng quay VLĐ(1/3)	Vòng	1.36	1.52	+0.16	+11.76
8. Số ngày 1 vòng quay VLĐ(360/7)	Ngày	264	236	-28	-10.6
9. Hiệu quả sử dụng VLĐ(2/3)	Lần	0.067	0.08	+0.013	+19.4
10. Hàm lượng VLĐ(3/1)	Lần	0.74	0.66	-0.08	-10.8
11. Vòng quay HTK(4/5)	Vòng	157	194	37	+23.56
12. Số ngày 1 vòng quay HTK(360/11)	Ngày	2.3	1.85	-0.45	-19.56
13. Vòng quay KPT(1/6)	Vòng	1.98	1.8	-0.18	-9.09
14. Kỳ thu tiền BQ (360/13)	Ngày	181	200	+19	+10.49

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Qua bảng đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động trên ta thấy:

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

➤ Số vòng quay vốn lưu động của công ty năm 2009 là 1.36 vòng, đến năm 2010 tăng lên là 1.52 vòng (tăng 0.16 vòng so với năm 2009), chứng tỏ tốc độ luân chuyển vốn lưu động đã tăng lên. Nguyên nhân làm cho số vòng quay vốn lưu động tăng là do tốc độ tăng của vốn lưu động nhỏ hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần, cụ thể là vốn lưu động bình quân tăng 42.77 % trong khi doanh thu thuần tăng 59.77 % so với năm 2009 nên đã làm cho vòng quay vốn lưu động tăng. Điều này đã làm cho số ngày 1 vòng quay vốn lưu động năm 2010 giảm xuống so với năm 2009. Nếu như năm 2009, để thực hiện 1 vòng quay vốn lưu động mất 264 ngày thì sang đến năm 2010 giảm xuống còn 236 ngày. Do vậy làm tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động, từ đó làm tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

➤ Hiệu quả sử dụng vốn lưu động cho biết 1 đồng vốn lưu động bình quân đem lại mấy đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ việc sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp càng có hiệu quả. Nếu như năm 2009, 1 đồng vốn lưu động bình quân đem lại 0.067 đồng lợi nhuận sau thuế thì năm 2010 1 đồng vốn lưu động bình quân đã đem lại 0.08 đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 0.013 đồng so với năm 2009. Chứng tỏ năm 2010 hiệu quả sử dụng vốn lưu động đã tăng lên.

➤ Hàm lượng vốn lưu động năm 2010 giảm so với năm 2009. Năm 2009, hàm lượng vốn lưu động là 0.74 lần thì sang đến năm 2010 giảm còn 0.66 lần (giảm 10.8 %), có nghĩa là vào năm 2009, để có được 1 đồng doanh thu thuần thì cần đến 0.74 đơn vị vốn lưu động trong khi năm 2009 chỉ cần 0.66 đơn vị vốn lưu động, cho thấy năm 2010 công ty đã tiết kiệm được 0.08 đơn vị vốn lưu động. Nguyên nhân làm cho hàm lượng vốn lưu động giảm là do tốc độ tăng của vốn lưu động bình quân nhỏ hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần.

➤ Nếu như năm 2009 vòng quay hàng tồn kho là 157 vòng thì đến năm 2010 do tốc độ tăng của hàng tồn kho bình quân nhỏ hơn tốc độ tăng của giá vốn hàng bán đã làm cho vòng quay hàng tồn kho tăng lên là 194 vòng (tăng 37 vòng). Do vậy, để thực hiện 1 vòng quay hàng tồn kho thì năm 2010 mất ít ngày hơn năm 2009, cụ thể là năm

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

2009 số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho là 2.3 ngày thì năm 2010 số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho giảm xuống chỉ còn 1.85 ngày.

➤ Vòng quay khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm. Trong năm 2009, vòng quay khoản phải thu là 1.98 lần, có nghĩa là trong năm công ty có 1.98 lần thu lại được các khoản nợ của khách hàng. Tương ứng với đó, kỳ thu tiền bình quân năm 2009 là 181 ngày. Sang đến năm 2010, vòng quay khoản phải thu giảm xuống là 1.8 vòng, tương ứng với kỳ thu tiền bình quân tăng lên là 200 ngày. Điều này chứng tỏ trong năm 2010, công tác thu hồi nợ từ khách hàng của công ty vẫn chưa thực sự hiệu quả. Công ty vẫn chưa thu hồi được các khoản nợ đọng trong những năm trước, đặc biệt là các công trình thủy lợi, tu bổ đê điều vốn Nhà nước vẫn đang quá trình giải quyết thủ tục giải ngân nên việc thu hồi nợ còn khó khăn. Vì vậy, trong thời gian tới, công ty cần có những biện pháp đẩy nhanh việc thu hồi công nợ, để từ đó tăng vòng quay khoản phải thu, giảm kỳ thu tiền bình quân, tránh ứ đọng vốn cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, những kết quả mà công ty đạt được đã cho thấy sự cố gắng của toàn công ty và điều đó được phản ánh qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu và lợi nhuận của công ty năm sau vẫn cao hơn năm trước.

2.2.4 Một số chỉ tiêu tài chính của công ty.

Bảng 2.15 Đánh giá khả năng thanh toán của Công ty năm 2009-2010

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm		So sánh	
		2009	2010	+/-	%
1. Tổng tài sản (Tổng nguồn vốn)	Đồng	9,632,468,253	13,644,113,519	+4,011,645,266	+41.65
2. Tổng nợ phải trả	Đồng	5,614,054,298	8,873,554,759	+3,259,500,461	+58.06
3. Tài sản ngắn hạn	Đồng	7,177,845,064	11,594,067,543	+4,416,222,479	+61.53
4. Tổng nợ ngắn hạn	Đồng	4,596,609,712	6,356,110,173	+1,759,500,461	+38.27
5. Khả năng TT	Lần	1.71	1.53	-0.18	-10.52

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

tổng quát(1/2)					
6.Khả năng TT ngắn hạn(3/4)	<i>Lần</i>	1.56	1.82	+0.26	+16.7
7.Hệ số nợ (2/1)	<i>Lần</i>	0.58	0.65	0.07	+12.07

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009-2010)

Năm 2009, tỷ số thanh toán tổng quát của công ty là 1.71 lần, nghĩa là cứ 1 đồng nợ thì có tới 1.71 đồng tài sản có thể thanh toán để trả nợ. Sang đến năm 2010, tỷ số này là 1.53, đã giảm 0.18 lần so với năm trước, nghĩa là cứ 1 đồng nợ của công ty sẽ có 1.53 đồng tài sản có thể thanh toán để trả nợ.

Tỷ số thanh toán ngắn hạn của công ty năm 2009 là 1.56 lần, có nghĩa là cứ 1 đồng nợ ngắn hạn thì có 1.56 đồng tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn có thể thanh toán để trả nợ. Năm 2010, tỷ số này là 1.82 tăng 0.26 lần so với năm trước. Điều này cho thấy khả năng trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp đã tăng lên so với năm 2009. Bên cạnh đó, cũng vì doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế nên tài sản lưu động thường chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản.

Hệ số nợ của công ty năm 2009 là 0.58 lần đã cho thấy năm 2010 trong tổng vốn kinh doanh của công ty thì có đến hơn một nửa là chiếm dụng bên ngoài (chủ yếu từ các khoản người mua trả tiền trước, thuê và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động...). Sang đến năm 2010, hệ số nợ của công ty đã lên đến 0.65 lần, các khoản nợ phải trả đã tăng lên. Do đó, hệ số nợ của công ty năm 2010 đã tăng lên 0.07 lần (tương đương 12.07 %) so với năm 2009.

Tóm lại, trong thời gian qua công ty đã sử dụng một lượng vốn lớn từ việc chiếm dụng các khoản trả trước của đơn vị khác, từ thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, phải trả người lao động... Đây cũng là một trong những cách mà các chủ doanh nghiệp hay dùng để gia tăng lợi nhuận nhưng việc công ty chiếm dụng các khoản trả trước của khách hàng và đặc biệt là các khoản phải nộp cho Nhà nước chỉ là giải pháp

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

chỉ nên dùng tạm thời, về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến uy tín của công ty đối với Nhà nước và với các đối tác.

2.3 Kết luận chung về hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

2.3.1 Những kết quả đạt được.

Ta thấy hoạt động sản xuất kinh doanh thực chất là hoạt động nhằm mục đích kiếm lời thông qua nguồn lực vốn có. Vì vậy hiệu quả sử dụng vốn là biểu hiện hợp nhất hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn sẽ thấy được trình độ quản lý, sử dụng vốn của doanh nghiệp từ đó tìm ra được những giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tiết kiệm vốn.

Qua việc phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn tại Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng ta có thể thấy được những kết quả mà công ty đạt được như sau:

➤ Năm 2010 có thể coi là một năm tương đối thành công đối với công ty, vì trong năm này công ty đã ký thêm được nhiều hợp đồng với khách hàng, trong đó nhiều hợp đồng có giá trị lớn, phạm vi hoạt động ngày càng được mở rộng, không chỉ trong nội bộ thành phố Hải Phòng mà còn sang cả các tỉnh bạn như Hải Dương, Thái Bình, Quảng Ninh...

➤ Nhìn chung, quy mô kinh doanh của công ty năm 2010 đã tăng so với năm 2009. Doanh thu có xu hướng tăng lên, tổng doanh thu năm 2010 đã tăng lên 5,343,130,396 đồng, tương đương tăng 59.77% so với năm 2009. Vốn kinh doanh năm 2009 là 9,632,468,253 đồng, sang đến năm 2010 tăng lên là 13,644,113,519 đồng. Với việc mở rộng thêm phạm vi hoạt động của mình và qua những kết quả mà công ty đã đạt được trong năm vừa rồi thì rất có thể doanh thu của công ty trong những năm tới sẽ còn tăng hơn nữa. Vì vậy trong tương lai, công ty có thể mở rộng thêm lĩnh vực sản xuất kinh doanh và đối tượng phục vụ để nhằm tăng doanh thu cũng như tăng vị thế của mình trên thị trường xây dựng.

➤ Thành công tiếp theo của công ty phải kể đến là việc bổ sung thêm nguồn vốn

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

chủ sở hữu. Năm 2009, vốn chủ sở hữu của công ty là 4,015,272,846 đồng, đến năm 2010 tăng lên là 4,770,417,669 đồng (tăng 752,144,805 đồng, tương đương 18.72%).

➤ Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn đều tăng đã cho thấy tình hình sử dụng vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty năm 2010 nhìn chung là tốt hơn so với năm 2009.

2.3.2 Những hạn chế trong quá trình sử dụng vốn của công ty.

Khoản phải thu khách hàng trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn cũng chiếm một tỷ trọng lớn, năm 2009 chiếm 85.3 % và năm 2010 chiếm 90.43 %, điều này cũng đồng nghĩa với việc rủi ro trong thu hồi nợ cao. Vòng quay khoản phải thu giảm, năm 2009 là 1.98 vòng nhưng sang đến năm 2010 đã giảm xuống còn 1.8 vòng. Vì vậy trong thời gian tới, công ty cần có những biện pháp thích hợp nhằm tăng vòng quay khoản phải thu, đồng thời làm giảm kỳ thu tiền bình quân nhằm tránh tình trạng ứ đọng vốn cho doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 773,312,656 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 87.98 % so với năm 2009. Tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu (doanh thu năm 2010 so với năm 2009 tăng 57.77 %), điều này chứng tỏ công tác quản lý chi phí chưa tốt, cần có biện pháp khắc phục để tiết kiệm hơn chi phí quản lý.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG HẢI PHÒNG

3.1 Tăng doanh thu bằng việc kinh doanh lĩnh vực tư vấn thiết kế mới.

3.1.1 Cơ sở của biện pháp.

Như đã phân tích ở chương 2, doanh thu và lợi nhuận năm 2010 đều tăng so với năm 2009. Cụ thể là doanh thu tăng 59.77 % và lợi nhuận tăng 69.48 %. Chính vì vậy, công ty có thể khai thác thị trường, mở rộng đối tượng phục vụ (trước đây công ty chủ yếu tư vấn thiết kế cho các công trình công cộng, các công trình thủy lợi...) nhằm góp phần làm tăng doanh thu trong những năm tới.

Đời sống của người dân càng nâng cao thì nhu cầu về nhà ở và được ở trong những ngôi nhà đẹp và sang trọng lại càng được nâng lên. Vì thế, lĩnh vực tư vấn thiết kế về nội ngoại thất nhà ở đang là một cơ hội kinh doanh mới đối với công ty. Khi tiến hành kinh doanh tư vấn thiết kế trong lĩnh vực này, Công ty có những thuận lợi sau:

- ☛ Trong các lĩnh vực mà công ty đã đăng ký kinh doanh (theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202001375 ngày 8/4/2005) đã bao gồm cả lĩnh vực tư vấn thiết kế nội, ngoại thất các công trình nhà ở.

- ☛ Bên cạnh đó, công ty còn có kinh nghiệm được tích lũy trên 40 năm trong công tác tư vấn thiết kế cùng đội ngũ kiến trúc sư có chuyên môn.

3.1.2 Mục tiêu của biện pháp.

Xét về hiệu quả sử dụng vốn thì việc tăng doanh thu sẽ góp phần làm tăng vòng quay tổng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định và vốn lưu động. Bên cạnh đó, tăng doanh thu sẽ làm tăng lợi nhuận và góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.1.3 Nội dung thực hiện.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Công ty nên tiếp tục mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực tư vấn thiết kế nội, ngoại thất công trình nhà ở.

Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu thị trường và tham khảo đơn giá của các công ty khác, dự tính bảng giá chi phí tư vấn thiết kế đối với các hạng mục công trình nhà ở như sau:

Tên hạng mục	Đơn giá (tính theo diện tích thiết kế)			
	$S \leq 100m^2$	$100m^2 < S \leq 150m^2$	$150 < S < 300m^2$	$S \geq 300m^2$
1. Thiết kế nội thất công trình.	250.000 đ/m ²	180.000 đ/m ²	160.000 đ/m ²	140.000 đ/m ²
2. Thiết kế sân, vườn, cổng, tường rào...	Phí tư vấn thiết kế = 80.000 đ/m ² . Phần vườn có thêm design mảng đứng, tính thêm theo m ² mảng đứng.			

3.1.4 Dự tính kết quả đạt được.

Sau khi thực hiện biện pháp này, doanh thu thuần dự kiến sẽ tăng khoảng 8 % so với trước khi thực hiện biện pháp.

Doanh thu thuần dự kiến tăng: $14,282,222,725 * 8 \% = 1,142,577,820$ (đồng).

Giá vốn hàng bán dự kiến tăng: $11,716,968,459 * 8 \% = 937,357,476$ (đồng).

Các chi phí phát sinh: Chi phí quản lý dự kiến khoảng 120,000,000 (đồng).

Các chi phí khác (như chi phí marketing, chi phí tuyển dụng, đào tạo... ước tính khoảng 20,000,000 (đồng).

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Bảng 3.1 Dự tính kết quả đạt được sau khi thực hiện biện pháp 1

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước khi thực hiện BP	Sau khi thực hiện BP	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1. Doanh thu thuần	Đồng	14,282,222,725	15,424,800,540	+1,142,577,820	+8
2. Giá vốn hàng bán	Đồng	11,716,968,459	12,654,325,930	+937,357,476	+8
3. Lợi nhuận gộp	Đồng	2,565,254,266	2,759,492,495	+194,238,229	+7.54
4. Doanh thu HĐTC	Đồng	48,171,505	-	-	-
5. Chi phí tài chính	Đồng	57,479,000	-	-	-
6. Chi phí quản lý DN	Đồng	1,652,256,097	1,772,226,768	+119,970,671	+7.26
7. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	911,690,674	980,245,343	+68,554,669	+7.51
8. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	752,144,805	810,416,273	+58,271,468	+7.74
9. Vòng quay tổng vốn	Vòng	1.23	1.32	+0.09	+7.3
10. Hiệu quả sd tổng vốn	Lần	0.064	0.069	0.005	+7.8
11. Vòng quay vốn LĐ	Vòng	1.52	1.64	+0.12	+7.89
12. Hiệu quả sd vốn LĐ	Lần	0.08	0.086	+0.006	+7.5
13. Số ngày 1 vòng quay VLĐ	Ngày	236	219	-17	-7.2
14. Hiệu quả sd VCD	Lần	0.34	0.35	+0.01	2.94
15. Hiệu suất sử dụng VCD	Lần	6.34	6.38	+0.04	0.63

3.2 Giảm các khoản phải thu.

3.2.1 Cơ sở và của biện pháp.

Như đã phân tích ở chương 2, trong tổng số vốn lưu động thì các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2009, các khoản phải thu chiếm 83.65 % và năm 2010 chiếm 85.24 %. Vòng quay khoản phải thu năm 2009 là 1.98 vòng và năm 2010 là 1.8 vòng. Điều này cho thấy công tác thu hồi nợ từ khách hàng của công ty vẫn chưa thực sự hiệu quả, công ty vẫn chưa thu hồi được các khoản nợ đọng trong những năm trước.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Bảng 3.2 Cơ cấu các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Các khoản phải thu	6,004,910,569	100	9,783,222,269	100
1. Phải thu kh.hàng	5,121,405,221	85.3	8,838,150,600	90.43
2. Trả trước cho n.bán	498,000,000	8.3	648,000,000	6.5
3. Các khoản PT khác	385,505,348	6.4	297,071,669	3.1

Nhìn vào bảng trên ta thấy khoản phải thu khách hàng tăng lên đáng kể. Năm 2009 khoản phải thu khách hàng là 5,121,405,221 đồng, chiếm tỷ trọng 85.3 % trong tổng các khoản phải thu. Năm 2010 khoản phải thu khách hàng đã tăng lên 8,938,150,600 đồng và chiếm tỷ trọng 90.43 %. Do đó, muốn giảm khoản phải thu ta phải giảm khoản “phải thu của khách hàng”.

3.2.2 Mục tiêu của biện pháp.

Thực tế cho thấy số dư trong khoản phải thu càng cao thì doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn càng nhiều, do đó sẽ bất lợi đến hiệu quả sử dụng vốn cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Vì vậy, việc đưa ra các phương hướng và biện pháp cụ thể nhằm kiểm soát các khoản phải thu và nhanh chóng thu hồi công nợ sẽ giúp cho công ty có thêm vốn đầu tư vào các hoạt động khác, cụ thể:

- Giảm số vốn bị chiếm dụng sẽ tiết kiệm được vốn lưu động.
- Giảm các khoản chi phí lãi vay (chi phí sử dụng vốn).
- Tăng vòng quay vốn lưu động, giảm kỳ thu tiền bình quân.

3.2.3 Nội dung thực hiện.

Trong cơ cấu các khoản phải thu thì khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng rất cao, chiếm 85.3 % vào năm 2009 và chiếm 90.43 % vào năm 2010. Ta xét chi tiết các khoản phải thu khách hàng trong năm 2010 qua bảng sau:

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Bảng 3.3 Chi tiết các khoản phải thu khách hàng

Tên khách hàng	Năm 2009	TT	Năm 2010	TT	So sánh	
					+/-	%
1. C.ty CP XD&PT Phú Hòa	618,041,326	10.2	1,060,491,480	11.9	+442,450,154	+71.5
2. C.ty CP Đầu tư XD Số 5	572,348,133	9.2	794,235,010	8.9	+221,886,877	+38.7
3. C.ty CP Công trình Giao thông Hải Phòng	1,313,436,310	25.6	2,002,361,100	23.7	+688,924,790	+52.4
4.C.ty TNHH Phúc Nam	-	-	347,134,720	1.6	+347,134,720	-
5.C.ty CP XD và PT Đầu tư Hải Phòng	975,850,317	19.1	905,765,090	10.3	-70,085,227	-7.3
6.Các công trình thuộc DADT của Nhà nước và địa phương	1,841,729,135	35.9	5,328,163,300	43.3	+3,486,434,165	+189
Tổng cộng	5,121,405,221	100	8,838,150,600	100	+3,816,745,379	+74.5

Qua bảng trên ta thấy trong các khoản phải thu khách hàng thì khoản nợ từ các công trình thuộc dự án đầu tư của Nhà nước và địa phương là nhiều nhất. Tuy nhiên, sự khó khăn từ việc thu hồi nợ của các công trình này là do nguyên nhân khách quan, đó là do các công trình này vẫn đang quá trình giải quyết thủ tục giải ngân. Vì vậy, vấn đề đặt ra ở đây là giải quyết các khoản nợ còn lại, cụ thể là khoản nợ từ Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng, Công ty TNHH Phúc Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Số 5 và Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Phú Hòa.

Năm 2010, trong khoản mục phải thu khách hàng thì khoản nợ của Công ty TNHH Phúc Nam chiếm 1.6 %, đây là khoản nợ mới phát sinh trong năm vừa rồi.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

Khoản nợ của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng chiếm 23.7 %, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Số 5 chiếm 8.9 % và Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Phú Hòa chiếm tới 11.9 %. Trong đó có hai khoản nợ của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Số 5 là các khoản nợ phát sinh từ năm 2009 mà khách hàng vẫn chưa thanh toán hết, chỉ riêng có khoản nợ của Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Phú Hòa là khoản nợ phát sinh từ năm 2008. Nguyên nhân làm phát sinh những khoản nợ này là do đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty là tư vấn thiết kế các công trình xây dựng nên khách hàng thường không thanh toán tiền ngay mà còn phải theo dõi chất lượng thiết kế và tiến độ thi công công trình rồi mới thanh toán. Từ đó hình thành nên các khoản “nợ gói đầu”.

Qua tìm hiểu em được biết Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Số 5 là những công ty có quan hệ kinh doanh lâu năm với công ty (đặc biệt là Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng), họ luôn thanh toán đầy đủ tiền nợ khi đã nghiệm thu và bàn giao xong công trình. Do những công trình mà họ thực hiện hầu hết đều có giá trị lớn nên khoảng thời gian từ lúc ký kết hợp đồng cho đến khi họ hoàn thành xong công trình và thanh toán nợ cho Công ty là một khoảng thời gian khá dài. Chính vì thế trong thời gian tới, trước khi ký kết hợp đồng với các công ty này, Công ty có thể thỏa thuận với họ về việc tăng tỷ lệ % số tiền tạm ứng đối với mỗi hợp đồng.

Đối với khoản nợ của công ty TNHH Phúc Nam, tuy khoản nợ của họ chỉ chiếm có 1.6 % trong tổng các khoản phải thu khách hàng nhưng Công ty vẫn phải gọi điện nhắc nhở họ trả nợ một cách khéo léo vì họ mới bắt đầu quan hệ làm ăn với công ty từ giữa năm 2010.

Trong các khoản phải thu khách hàng của Công ty thì khoản nợ của Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Phú Hòa là khoản nợ phát sinh từ năm 2008 cho đến nay không những chưa được thanh toán lần nào mà khoản nợ này lại ngày càng tăng lên, mặc dù Công ty đã nhiều lần gọi điện và gửi thư nhắc nhở. Qua đó cho thấy dấu hiệu

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

chảy ì trong việc thanh toán của công ty này. Do vậy đòi hỏi ban lãnh đạo công ty cần phải có những biện pháp tích cực để nhanh chóng thu hồi được khoản nợ này. Nếu các phương án đòi nợ mà Công ty thực hiện như gọi điện, gửi thư nhắc nhở...đều không có hiệu quả thì Công ty nên xem xét lại việc hợp tác làm ăn với công ty này. Bên cạnh đó, Công ty cần tìm hiểu nguyên nhân vì sao họ lại nợ lâu như vậy (do hoạt động kinh doanh của họ không tốt hay do họ cố tình không trả nợ...) để có biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ. thỏa ước xử lý nợ...

Ngoài ra, công ty có thể áp dụng các biện pháp sau để quản lý các khoản phải thu khách hàng nhằm giảm các khoản phải thu như sau:

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản phải thu trong và ngoài công ty, thường xuyên đôn đốc để thu hồi nợ đúng hạn.
- Có biện pháp phòng ngừa rủi ro không được thanh toán (lựa chọn khách hàng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị hợp đồng...)
- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong các hợp đồng, nếu bên khách hàng vượt quá thời hạn thanh toán trong hợp đồng thì doanh nghiệp sẽ thu lãi suất theo lãi suất quá hạn của ngân hàng.

3.2.4 Dự tính kết quả đạt được.

Sau khi thực hiện biện pháp, dự tính kết quả đạt được như sau:

Bảng 3.4 Dự tính kết quả đạt được sau khi thực hiện biện pháp 2

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước khi thực hiện BP	Sau khi thực hiện BP	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1.Doanh thu thuần	Đồng	14,282,222,725	14,282,222,725	-	-
2.Khoản phải thu	Đồng	9,783,222,269	5,578,998,959	-4,104,222,310	-39.97
3.Phải thu KH	Đồng	8,838,150,600	5,328,163,300	-3,509,987,300	39.71
4.Vòng quay KPT	Vòng	1.8	2.6	+0.8	+44.5
5.Kỳ thu tiền BQ	Ngày	200	134	-66	-33

Giả định doanh thu và các yếu tố khác không đổi, như vậy sau khi thực hiện biện pháp 2 thì khoản phải thu của Công ty sẽ giảm xuống 39.97 % làm cho vòng quay khoản phải thu tăng lên đạt 2.6 vòng và kỳ thu tiền bình quân giảm đi 66 ngày.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện hiện nay, vấn đề vốn kinh doanh và việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh luôn là một trong những vấn đề cấp thiết đòi hỏi các doanh nghiệp phải thường xuyên quan tâm. Việc tổ chức huy động vốn từ nguồn nào, sử dụng vốn ra sao sẽ quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hay thấp, sự tồn tại hay không tồn tại của mỗi doanh nghiệp trên thị trường.

Trên cơ sở những lý luận chung về vốn kinh doanh và qua những tìm hiểu của em về tình hình thực tế trong quá trình quản lý và sử dụng vốn của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng, em nhận thấy các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn của công ty đều tăng, doanh thu và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước. Tuy nhiên, có một vấn đề còn tồn tại đó là vòng quay khoản phải thu giảm khiến cho kỳ thu tiền bình quân tăng lên. Chính vì vậy, giải pháp mà em đưa ra để khắc phục tình trạng này đó là “Giảm các khoản phải thu” đồng thời tăng doanh thu bằng cách khai thác thị trường, mở rộng hoạt động kinh doanh. Em hy vọng những giải pháp này sẽ giúp ích một phần cho Công ty trong việc đưa ra những phương hướng thích hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn của mình.

Do trình độ lý luận và khả năng lĩnh hội thực tế còn hạn chế nên chắc chắn đề tài của em sẽ không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô giáo và sự góp ý của các bạn để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các cô chú, anh chị trong Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng và đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của cô giáo Thạc sỹ Đỗ Thị Bích Ngọc – người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành đề tài này. Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Hoàng Thị Bích Ngọc

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Tài chính doanh nghiệp” - TS Ngô Thế Chi và TS. Nguyễn Công ty (NXB Thống Kê 2008)
2. “Phân tích các báo cáo tài chính” - TS. Nguyễn Công Bình và Đặng Kim Cương (NXB Giao Thông Vận Tải)
3. Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh, Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân khoa kế toán - PGS-TS. Phạm Thị Gái (NXB Trường Đại học Thống kê, Kinh Tế Quốc Dân).
4. Báo cáo tài chính và một số tài liệu khác của công ty CP Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và cơ sở hạ tầng Hải Phòng.
5. Luận văn các khóa trước.

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tại ngày 31/12/2010)

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2010	31/12/2009
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	11.594.067.543	7.177.845.064
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	1.102.338.200	796.032.047
1.Tiền	1.102.338.200	796.032.047
2.Các khoản tương đương tiền	-	-
II.Các khoản đầu tư tài chính N.Hạn	-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	9.783.222.269	6.004.910.569
1.Phải thu khách hàng	8.838.150.600	5.121.405.221
2.Trả trước cho người bán	648.000.000	498.000.000
3.Các khoản phải thu khác	297.071.669	385.505.348
IV.Hàng tồn kho	108.157.577	55.166.948
1.Hàng tồn kho	65.157.577	55.166.948
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	623.349.497	321.735.500
1.Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-
2.Tài sản ngắn hạn khác	623.349.497	321.735.500
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	2.050.045.976	2.454.623.189
I.Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II.Tài sản cố định	1.734.000.893	1.978.475.929
1.Tài sản cố định hữu hình	1.716.916.873	1.961.391.909
- Nguyên giá	3.770.013.731	3.767.539.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.053.096.858)	(1.806.147.524)
2. Tài sản cố định vô hình	17.084.020	17.084.020
- Nguyên giá	33.694.400	33.694.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	(16.610.380)	(16.610.380)
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài	55.800.000	55.800.000

**Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng**

hạn		
1.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
2.Đầu tư dài hạn khác	55.800.000	55.800.000
3.Dự phòng giảm giá đầu tư TCDH	-	-
V.Tài sản dài hạn khác	260.245.083	420.347.260
1.Chi phí trả trước dài hạn	260.245.083	420.347.260
2.Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	13.644.113.519	9.632.468.253
NGUỒN VỐN		
A.NỢ PHẢI TRẢ	8.873.554.759	5.614.054.298
I.Nợ ngắn hạn	6.356.700.000	4.596.609.712
1.Vay và nợ ngắn hạn	400.000.000	527.000.000
2.Phải trả người bán	-	-
3.Người mua trả tiền trước	4.586.700.000	2.646.269.500
4.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.015.245.880	552.104.107
5.Phải trả người lao động	26.269.006	33.277.061
6.Chi phí phải trả	130.995.964	130.995.964
7.Phải trả nội bộ	196.899.323	706.963.080
II.Nợ dài hạn	2.517.444.586	1.017.444.586
1.Vay và nợ dài hạn	2.500.000.000	1.000.000.000
2.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	17.444.586	17.444.586
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.770.558.760	4.018.413.955
I.Vốn chủ sở hữu	4.767.417.669	4.015.272.864
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.500.000.000	3.500.000.000
2.Quỹ đầu tư phát triển	463.845.611	463.845.611
3.Quỹ dự phòng tài chính	51.427.253	51.427.253
4.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	752.144.805	-
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.141.091	3.141.091
1.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.141.091	3.141.091
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	13.644.113.519	9.632.468.253

(Nguồn: phòng Nghiệp vụ tổng hợp)

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty
Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Nông Nghiệp và Cơ sở hạ tầng Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Tại ngày 31/12/2010)

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2010	NĂM 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.282.222.725	8.939.092.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.282.222.725	8.939.092.329
4. Giá vốn hàng bán	11.716.968.459	7.489.508.002
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.565.254.266	1.449.584.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	48.171.505	19.644.301
7. Chi phí tài chính	57.479.000	80.335.916
Trong đó: Lãi vay phải trả	57.479.000	80.335.916
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.652.256.097	878.943.441
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	903.690.674	509.949.271
11. Thu nhập khác	8.000.000	37.545.455
12. Chi phí khác	-	37.664.903
13. Lợi nhuận khác	8.000.000	(119.448)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	911.690.674	509.829.823
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	159.545.869	66.022.962
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	752.144.805	443.806.861

(Nguồn: phòng Nghiệp vụ tổng hợp)